**400 CÂU HỎI ÔN LUYỆN THI QUẢN TRỊ HỌC**

Áp dụng đối với lớp có 3 tín chỉ

| **TT** | **Nội dung câu hỏi** | **Câu trả lời** | **Đáp án đúng** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Thuật ngữ quản trị (management) xuất phát từ câu chuyện của … | 1. Những người xây dựng nhà máy ô tô tại Anh 2. Những người chăn ngựa 3. Những người xây dựng Kim tự tháp 4. Từ học thuyết X&Y tại Nhật Bản | B |
|  | Các học thuyết của Talet (Thales) ứng dụng hình học vào… | 1. Xây dựng kim tự tháp 2. Xây dựng đấu trường La Mã 3. Xây dựng thành phố theo cấu trúc hình học cụ thể 4. Phát triển bộ môn hình học | C |
|  | Các học thuyết của Pytago (Pythagoras) ứng dụng đại số vào | 1. Xây dựng hệ thống đại số 2. Xây dựng đấu trường La Mã 3. Xây dựng thành phố dựa vào phân tích số học 4. Phát triển bộ môn hình học | C |
|  | Hera (Heraclitus) có câu nói gì nổi tiếng | 1. Không ai tắm hai lần trên một dòng sông 2. Ai cũng đã từng tắm sông hai lần 3. Không có gì lặp lại trên một dòng sông 4. Thế giới cần có thay đổi, vận động, phát triển không ngừng thì kinh tế mới phát triển | A |
|  | Hera (Heraclitus) cho rằng vạn vật đều sinh ra từ | A. Nước  B. Lửa  C. Cây cối  D. Kim loại | B |
|  | Democrit (Democritus) là người đặt nền móng cho | 1. Thuyết về sự tồn tại của loài người 2. Học thuyết về các giá trị dân chủ 3. Học thuyết về tính độc lập dân tộc 4. Thuyết nguyên tử luận | D |
|  | Đóng góp quan trọng nhất của ông Socrates trong nền tảng tư tưởng là gì? | 1. Đặt ra các giả thuyết về sự tồn tại và không tồn tại 2. Đặt ra phương pháp truy vấn biện chứng 3. Đặt ra các câu hỏi liên quan đến triết học 4. Đặt nền tảng cho khoa học vật lý | B |
|  | Plato đặt niềm tin vào thế giới siêu hình coi vật chất chỉ là … | 1. phủ nhận thực tại của thế giới vật chất, coi nó chỉ là hình ảnh hoặc bản sao của thế giới thực 2. Khẳng định thực tại của thế giới vật chất, thế giới thực sự tồn tại và ảnh hưởng cuộc sống của chúng ta 3. Thứ con người có thể thay đổi và tạo thêm ra các vật chất 4. Sự tồn tại ngẫu nhiên | A |
|  | Aristotle đã viết rất nhiều sách giải thích và biện luận về … | 1. Sự tồn tại của thế giới vật chất và phi vật chất 2. Aristoteles ngụ ý rằng, trong chân không, tốc độ của vật rơi sẽ tiến tới vô cùng 3. Sự tồn tại của thế giới vật chất và phi vật chất, phân loại động vật, đặt nền móng các khái niệm vật lý, sinh học, động vật, sự vận động của động vật và các cơ quan của động vật 4. Sự tồn tại của thế giới vật chất, phân loại động vật, đặt nền móng các khái niệm vật lý, sinh học, động vật | C |
|  | Quản trị được thực hiện trong một tổ chức nhằm: | 1. Tối đa hóa lợi nhuận 2. Đạt mục tiêu của tổ chức 3. Sử dụng có hiểu quả cao nhất các nguồn lực 4. Đạt được mục tiêu của tổ chức với hiệu suất cao | D |
|  | Điền vào chỗ trống: Quản trị là những hoạt động cần thiết khi có nhiều người kết hợp với nhau trong một tổ chức nhằm thực hiện …... chung. | 1. Mục tiêu 2. Lợi nhuận 3. Kế hoạch 4. Lợi ích | A |
|  | Điền vào chỗ trống: Hoạt động quản trị chịu sự tác động của … đang biến động không ngừng. | 1. Kỹ thuật 2. Công nghệ 3. Kinh tế 4. Môi truờng | D |
|  | Quản trị cần thiết cho…. | 1. Các tổ chức vì lợi nhuận và tổ chức phi lợi nhuận 2. Các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh 3. Các đơn vị hành chính sự nghiệp 4. Các công ty lớn | A |
|  | Điền vào chỗ trống: Quản trị hướng tổ chức đạt mục tiêu với … cao nhất và chi phí thấp nhất | 1. Sự thỏa mãn 2. Lợi ích 3. Kết quả 4. Lợi nhuận | C |
|  | Để tăng hiệu suất quản trị, các nhà quản trị có thể thực hiện bằng cách: | 1. Giảm chi phí ở đầu vào và doanh thu ở đầu ra không thay đổi 2. Chi phí ở đầu vào không thay đổi và tăng doanh thu ở đầu ra 3. Vừa giảm chi phí ở đầu vào và vừa tăng doanh thu ở đầu ra 4. Tất cả các đáp án | D |
|  | Nhà quản trị cấp trung | 1. Chịu trách nhiệm ra quyết định cao nhất, thiết lập mục tiêu và kế hoạch cho toàn tổ chức 2. Triển khai chiến lược của tổ chức 3. Quản lý các nguồn lực tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất, kinh doanh 4. Tất cả các đáp án đều không đúng | B |
|  | Càng xuống cấp thấp hơn thời gian dành cho chức năng quản trị nào sẽ càng quan trọng? | 1. Lập kế hoạch 2. Tổ chức và kiểm tra 3. Lãnh đạo 4. Tất cả các đáp án | C |
|  | Càng lên cấp cao hơn, thời gian dành cho chức năng quản trị nào sẽ càng quan trọng? | 1. Lập kế hoạch 2. Tổ chức 3. Lãnh đạo 4. Kiểm tra | A |
|  | Nhà quản trị phân bố thời gian nhiều nhất cho việc thực hiện chức năng? | 1. Lập kế hoạch 2. Điểu khiển và kiểm tra 3. Tổ chức 4. Tất cả các đáp án đều không chính xác | D |
|  | Nhà quản trị cấp cao cần thiết nhất kỹ năng: | 1. Nhân sự 2. Nhận thức 3. Chuyên môn 4. Kỹ năng nhận thức + nhân sự | B |
|  | Mối quan hệ giữa các cấp bậc quản trị và các kỹ năng của nhà quản trị là: | 1. Ở bậc quản trị càng cao kỹ năng chuyên môn càng có tầm quan trọng 2. Ở bậc quản trị càng cao kỹ năng nhân sự càng có tầm quan trọng 3. Kỹ năng nhân sự có tầm quan trọng như nhau đối với các cấp bậc quản trị 4. Tất cả các đáp án đều sai | C |
|  | Hoạt động quản trị thường được thực hiện thông qua bốn chức năng: | 1. Lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra 2. Lập kế hoạch, nhân sự, chỉ huy, phối hợp 3. Lập kế hoạch, tổ chức, phối hợp, báo cáo 4. Kế hoạch, chỉ đạo, tổ chức, kiểm tra | A |
|  | Trong một tổ chức, các cấp bậc quản trị thường được chia thành: | 1. 2 cấp quản trị 2. 3 cấp quản trị 3. 4 cấp quản trị 4. 5 cấp quản trị | B |
|  | Cố vấn cho ban giám đốc của một doanh nghiệp thuộc cấp quản trị: | 1. Cấp cao 2. Cấp trung 3. Cấp cơ sở 4. Tất cả đều sai | D |
|  | Điền vào chỗ trống: Chức năng lập kế hoạch nhằm xác định mục tiêu cần đạt được và đề ra … hành động để đạt mục tiêu trong từng khoảng thời gian nhất định. | 1. Quan điểm 2. Chương trình 3. Giới hạn 4. Cách thức | B |
|  | Quan hệ giữa cấp bậc quản trị và các kỹ năng: | Chức vụ càng thấp thì kỹ năng về kỹ thuật càng quan trọng  Chức vụ càng cao thì kỹ năng về tư duy càng quan trọng  Nhà quản trị cần tất cả các kỹ năng, tuy nhiên chức vụ càng cao thì kỹ năng tư duy càng quan trọng  Tất cả các đáp án đều sai | C |
|  | Kỹ năng nào cần thiết ở mức độ như nhau đối với các nhà quản trị? | 1. Tư duy 2. Kỹ thuật 3. Nhân sự 4. Tất cả các đáp án đều sai | C |
|  | Vai trò nào đã được thực hiện khi nhà quản trị đưa ra một quyết định để phát triển kinh doanh? | 1. Vai trò người lãnh đạo 2. Vai trò người đại diện 3. Vai trò người phân bố tài nguyên 4. Vai trò người doanh nhân | D |
|  | Điền vào chỗ trống: Nhà quản trị cấp cơ sở thì kỹ năng … càng quan trọng. | 1. Nhân sự 2. Chuyên môn 3. Tư duy 4. Giao tiếp | B |
|  | Mối quan hệ giữa khoa học và nghệ thuật quản trị được diễn đạt rõ nhất trong câu: | 1. Khoa học là nền tảng đề hình thành nghệ thuật 2. Trực giác là quan trọng để thành công trong quản trị 3. Cần vận dụng đúng các nguyên tắc khoa học vào quản trị 4. Có mối quan hệ biện chứng giữa khoa học và nghệ thuật quản trị | D |
|  | Phát biểu nào sau đây KHÔNG đúng? | 1. Trực giác là quan trọng để thành công trong quản trị 2. Có mối quan hệ biện chứng giữa khoa học và nghệ thuật quản trị 3. Cần vận dụng đúng các nguyên tắc khoa học vào quản trị 4. Khoa học là nền tảng để hình thành nghệ thuật quản trị | A |
|  | Quản trị cần thiết trong các tổ chức để: | 1. Đạt được lợi nhuận 2. Giảm chi phí 3. Đạt được mục tiêu với hiệu suất cao 4. Tạo trật tự trong một tổ chức | C |
|  | Để tăng hiệu quả, các nhà quản trị có thể thực hiện bằng cách: | Giảm chi phí ở đầu vào và kết quả ở đầu ra không thay đổi  Chi phí ở đầu vào không đổi và tăng kết quả đầu ra  Vừa giảm chi phí ở đầu vào và tăng kết quả đầu ra  Tất cả các đáp án đều sai | D |
|  | Để đạt hiệu quả, các nhà quản trị cần phải: | Xác định và hoàn thành đúng mục tiêu  Giảm chi phí đầu vào  Tăng doanh thu ở đầu ra  Tất cả các đáp án đều chưa chính xác | A |
|  | Trong quản trị doanh nghiệp quan trọng nhất là: | Xác định đúng lĩnh vực hoạt động tổ chức  Xác định đúng quy mô của tổ chức  Xác định đúng trình độ và số lượng đội ngũ nhân viên  Xác định đúng chiến lược phát triển của doanh nghiệp | D |
|  | Các chức năng cơ bản theo quản trị học hiện đại gồm: | 4 chức năng  6 chức năng  3 chức năng  5 chức năng | A |
|  | Thời gian dành cho chức năng hoạch định sẽ cần nhiều hơn đối với nhà quản trị: | Cấp cao  Cấp trung  Cấp cơ sở  Tất cả các nhà quản trị | A |
|  | Nhà quản trị cần phân bố thời gian nhiều nhất cho việc thực hiện chức năng: | Hoạch định và kiểm tra  Điều khiển và kiểm tra  Hoạch định và tổ chức  Tất cả phương án đều không chính xác | D |
|  | Nhà quản trị cấp cơ sở cần thiết nhất: | Kỹ năng nhân sự  Kỹ năng nhân sự + kỹ năng kỹ thuật  Kỹ năng kỹ thuật  Kỹ năng kỹ thuật + kỹ năng tư duy | B |
|  | Nhà quản trị cấp cơ sở cần tập trung thời gian nhiều nhất cho chức năng nào sau đây? | Hoạch định  Tổ chức và kiểm tra  Lãnh đạo  Tất cả các chức năng trên | C |
|  | Theo Henry Minzberg, các nhà quản trị phải thực hiện bao nhiêu vai trò? | 7  14  10  4 | C |
|  | Nghiên cứu của Henry Minzberg đã nhận dạng 10 vai trò của nhà quản trị và phân loại thành 3 nhóm vai trò, đó là: | Nhóm vai trò lãnh đạo, vai trò thông tin, vai trò ra quyết định  Nhóm vai trò tương quan nhân sự, vai trò xử lý các xung đột, vai trò ra quyết định  Nhóm vai trò tương quan nhân sự, vai trò thông tin, vai trò ra quyết định  Nhóm vai trò liên lạc, vai trò phân bố tài nguyên, vai trò thương thuyết | C |
|  | Hiệu suất của quản trị chỉ có được khi: | Làm đúng việc  Làm việc đúng cách  Chi phí thấp  Tất cả các đáp án đều sai | B |
|  | Trong quản trị tổ chức, quan trọng nhất là | 1. Làm đúng việc 2. Làm việc đúng cách 3. Đạt được lợi nhuận 4. Chi phí thấp | A |
|  | Trong quản trị tổ chức, quan trọng nhất là: | 1. Thực hiện mục tiêu đúng với hiệu suất cao 2. Làm đúng việc 3. Đạt được lợi nhuận 4. Chi phí thấp nhất | A |
|  | Hiệu quả và hiệu suất của quản trị chỉ có được khi: | Làm đúng việc  Làm đúng cách  Tỷ lệ giữa kết quả đạt được/chi phí bỏ ra cao  Làm đúng cách để đạt được mục tiêu | D |
|  | Phát biểu nào sau đây KHÔNG đúng? | Nghệ thuật quản trị không thể học được  Có được từ di truyền  Trải nghiệm qua thực hành quản trị  Khả năng bẩm sinh | A |
|  | Nghệ thuật quản trị có được từ: | Từ cha truyền con nối  Khả năng bẩm sinh  Trải nghiệm qua thực hành quản trị  Các chương trình đào tạo | C |
|  | Giá trị lịch sử và ý nghĩa của học thuyết pháp trị do Hàn Phi Tử sáng lập tại Trung Hoa cổ đại? | 1. Pháp luật phụ thuộc vào ý chí con người và Thượng đế, pháp luật phải thay đổi để phù hợp với lịch sử 2. Học thuyết này những giá trị to lớn và kinh nghiệm về quản lý xã hội, quản lý con người, chủ trương chính trị lấy pháp luật làm công cụ chủ yếu 3. Đề cao nhân trị, kết hợp pháp quyền với kinh tế trong cải cách để thúc đẩy kinh tế – xã hội phát triển, thực hiện mục tiêu thực túc binh cường và binh cường nước mạnh 4. Trong xã hội mọi người đều phải lao động và tham gia chiến tranh | B |
|  | Khổng Tử đã tạo ra một phong cách thuyết giảng riêng, ông là người sáng lập ra trường Nho giáo. Các tư tưởng chính của ông là: | 1. Xây dựng hệ thống tư tưởng "đạo đức, nhân đức và nghi đức" hoàn chỉnh 2. Hệ thống tư tưởng luân lý dựa trên lý thuyết tốt về âm dương ngũ hành 3. Hệ thống lý thuyết về kim - mộc - thủy - hỏa - thổ 4. Các lý thuyết về Tam cương - Ngũ Thường | A |
|  | Khi căn cứ vào thời gian thực hiện, ta có thể chia các quyết định quản trị thành: | 1. Quyết định chiến thuật 2. Quyết định ngắn hạn 3. Quyết định tổ chức 4. Quyết định được chương trình hóa | B |
|  | Quản trị viên cấp trung thường tập trung vào việc ra các loại quyết định: | Chiến lược  Tác nghiệp  Chiến thuật  Tất cả các đáp án đều đúng | C |
|  | Nếu căn cứ vào chức năng quản trị, ta sẽ có: | Quyết định dài hạn  Quyết định chiến lược  Quyết định tổ chức  Quyết định chuyên đề | C |
|  | Quyết định xem chiến lược nào là tốt cho doanh nghiệp là quyết định thuộc chức năng nào? | Hoạch định  Tổ chức  Lãnh đạo  Kiểm tra | A |
|  | Quyết định các công việc thiết kế như thế nào nằm trong quyết định nào của nhà quản trị? | Hoạch định  Tổ chức  Lãnh đạo  Kiểm tra | B |
|  | Bước đầu tiên trong quá trình ra quyết định là: | Xác định nguyên nhân  Xác định vấn đề  Xác định tiêu chí ra quyết định  Xác định triệu chứng của vấn đề | B |
|  | Quyết định chiến lược là do: | Quản trị cấp cao ra quyết định  Quản trị cấp trung ra quyết định  Quản trị cấp cơ sở ra quyết định  Tất cả đều đúng | A |
|  | Nếu căn cứ vào thời gian thực hiện, ta sẽ có: | Quyết định ngắn hạn  Quyết định chiến lược  Quyết định tổ chức  Quyết định chuyên đề | A |
|  | Quyết định chiến thuật là do: | Quản trị cấp cao ra quyết định  Quản trị cấp trung ra quyết định  Quản trị cấp cơ sở ra quyết định  Tất cả đều đúng | B |
|  | Khi nhà quản trị thực hiện đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu của quyết định, hay các sai lệch và nguyên nhân của các sai lệch. Đây là bước nào trong tiến trình ra quyết định? | Xác định vấn đề  Xác định các tiêu chuẩn của quyết định  Lượng hóa các tiêu chuẩn  Đánh giá tính hiệu quả của quyết định | D |
|  | Những phẩm chất nào cần có của nhà quản trị để ra quyết định hiệu quả? | Kinh nghiệm  Xét đoán  Óc sáng tạo  Tất cả các phương án đều đúng | D |
|  | Nhà quản trị cần tránh lỗi gì khi ra quyết định? | Quá tự tin vào bản thân  Xác định được vấn đề  Đánh giá đầy đủ rủi ro  Thu thập đầy đủ thông tin | A |
|  | Ví dụ doanh nghiệp quyết định lựa chọn thị trường mục tiêu mới là quyết định | 1. Có cấu trúc/được chương trình hóa 2. Không có cấu trúc/không được chương trình hóa 3. Hằng ngày 4. Cố định | B |
|  | Ví dụ như việc mua máy tính, những căn cứ để quyết định mua chiếc máy tính nào gồm giá cả, dịch vụ, thời gian, bảo hành, độ tin cậy, mẫu mã. Bước này là bước gì trong tiến tình ra quyết định? | 1. Xác định vấn đề 2. Xác định các tiêu chuẩn của quyết định 3. Lượng hóa các tiêu chuẩn 4. Xây dựng các phương án | B |
|  | Đâu KHÔNG là ưu điểm của phương pháp ra quyết định tập thể? | Đảm bảo tính dân chủ  Khai thác trí tuệ đội nhóm  Tiết kiệm được thời gian trong việc ra quyết định  Vấn đề cần quyết định không quá phức tạp | C |
|  | Xử lý một sự cố cháy nhỏ trong văn phòng là vấn đề…. | Có cấu trúc/được chương trình hóa (đều được tập huấn, chuẩn bị trước sẵn sàng cho sự cố)  Không có cấu trúc/không được chương trình hóa  Rủi ro  An toàn | A |
|  | Ví dụ doanh nghiệp quyết định khen thưởng, kỉ luật là quyết định: | Có cấu trúc/được chương trình hóa  Không có cấu trúc/không được chương trình hóa  Hằng ngày  Cố định | A |
|  | Việc giảm doanh số bán hàng do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 là vấn đề: | Có cấu trúc/được chương trình hóa  Không có cấu trúc/không được chương trình hóa  Mới  Không phải cả ba lựa chọn trên | B |
|  | Một vấn đề thường xuyên xảy ra, lặp đi lặp lại là vấn đề: | Có cấu trúc/được chương trình hóa  Không có cấu trúc/không được chương trình hóa  Cố định  Hằng ngày | A |
|  | Quá trình tuyển dụng của doanh nghiệp là quyết định loại gì? | Quyết định danh nghĩa  Quyết định không cấu trúc  Quyết định đã được chương trình hóa  Quyết định chưa được chương trình hóa | C |
|  | Quyết định được ban hành đúng thủ tục là nội dung của yêu cầu: | Về tính hợp pháp  Về tính khoa học  Về tính linh hoạt  Về tính cụ thể | A |
|  | Công nhân viên phụ trách bán hàng, được trao thưởng vì thành tích bán hàng xuất sắc trong quý vừa qua. Nhà quản trị đã ra quyết định dựa trên…. | Dựa vào trực giác  Dựa vào cảm xúc  Dựa trên bằng chứng  Dựa trên sự hợp lý bị ràng buộc | C |
|  | Có được giải pháp sáng tạo là đặc điểm của quyết định nào? | Quyết định theo quy trình  Quyết định không được chương trình hóa  Quyết định được chương trình hóa  Quyết định cá nhân | B |
|  | Lựa chọn phương án để ra quyết định là: | Phần chính yếu của quá trình ra quyết định  Một bước của quá trình ra quyết định  Không cần thiết trong quá trình ra quyết định  Tất cả các phương án đều sai | A |
|  | Tổ chức thực hiện quyết định là: | Một trong các bước trong tiến trình ra quyết định  Không quan trọng trong tiến trình ra quyết định  Là bước cuối cùng trong tiến trình ra quyết định  Không có phương án nào đúng | A |
|  | Vai trò của việc ra quyết định trong quản trị là gì? | Cơ sở để thực hiện các hoạt động quản trị  Công cụ đánh giá năng lực của nhà quản trị  Cơ sở thúc đẩy sự phát triển của tổ chức  Tất cả các đáp án đều đúng | D |
|  | "Một sự lựa chọn được đưa ra trong số hai hoặc nhiều lựa chọn thay thế". Đây là nội dung của: | Quyết định  Mục đích  Chi phí cơ hội  Thực hành | A |
|  | Lựa chọn mô hình ra quyết định phụ thuộc vào: | Năng lực của nhà quản trị  Tính cách của nhà quản trị  Ý muốn của đa số nhân viên  Nhiều yếu tố khác nhau | A |
|  | Ra quyết định quản trị cần dựa trên cơ sở: | Thông tin và khả năng thực hiện của tổ chức  Lợi nhuận cần đạt được  Mong muốn của nhà quản trị  Tâm tư của nhân viên | A |
|  | Hoạt động nào sau đây giúp nhà quản trị nâng cao hiệu quả của việc đưa ra quyết định? | Nâng cao năng lực về thu thập và phân tích thông tin dữ liệu lớn  Nâng cao hiểu biết về sự khác biệt về văn hóa  Áp dụng tư duy thiết kế  Cả ba phương án | D |
|  | Ra quyết định là một công việc: | Một công việc mang tính khoa học  Lựa chọn giải pháp cho một vấn đề xác định  Công việc của một nhà quản trị cấp cao  Tất cả các đáp án đều sai | B |
|  | Các quyết định quản trị rất quan trọng vì: | Không thể thay thế các quyết định quản trị bằng tiền bạc, vốn liếng, sự tự điều chỉnh hoặc bất cứ thứ tự động hóa bằng máy móc tinh xảo nào.  Định hướng phát triển tổ chức  Bảo đảm tính hiệu quả trong kinh doanh  Mang tính bảo mật | A |
|  | Ý nào dưới đây là đúng? | Ra quyết định tập thể giúp giảm thời gian và chi phí  Ra quyết định tập thể thì dễ bỏ qua ý kiến mới nhưng thiểu số  Ra quyết định tập thể luôn luôn mang lại hiệu quả cao  Không có phương án nào đúng | B |
|  | Nhà quản trị nên: | Xem xét nhiều yếu tố để lựa chọn mô hình ra quyết định phù hợp  Sử dụng mô hình ‘’ra quyết định tập thể’’ vì đây là mô hình tốt nhất  Chọn mô hình ra quyết định đã thành công trước đó  Sử dụng mô hình “độc lập ra quyết định” để đưa ra giải pháp tốt nhất | A |
|  | Quá trình ra quyết định chỉ có ý nghĩa và hiệu quả khi: | Nhà quản trị xác định đúng vấn đề  Nhà quản trị lựa chọn đúng tiêu chí ra quyết định  Nhà quản trị lựa chọn đúng phương án  Nhà quản trị xác định đúng triệu chứng của vấn đề | A |
|  | Ý nào sau đây KHÔNG đúng? | 1. Ra quyết định là một hoạt động mang tính khoa học và nghệ thuật 2. Ra quyết định là lựa chọn một giải pháp cho vấn đề đã xác định 3. Ra quyết định là công việc của các nhà quản trị cấp cao 4. Không có đáp án nào đúng | C |
|  | Ý nào sau đây đúng? | Ra quyết định quản trị nhằm thảo luận với những người khác và ra quyết định  Ra quyết định phụ thuộc hoàn toàn vào ý muốn chủ quan của nhà quản trị  Ra quyết định mang tính khoa học và nghệ thuật  Ra quyết định dựa vào trực giác | C |
|  | Bước khó khăn nhất của một quá trình ra quyết định là: | 1. Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá 2. Tìm kiếm các phuơng án 3. Nhận diện vấn đề cần giải quyết 4. Tìm kiếm thông tin | C |
|  | Phần lớn sự thành bại của một quyết định tùy thuộc ở khâu nào? | 1. Kiểm tra điều chỉnh 2. Tổ chức thực hiện 3. Kế hoạch 4. Đánh giá | B |
|  | Federich W Taylor (1856 - 1915) không phát hiện ra điểm yếu nào của quản trị cổ điển | 1. Thuê mướn công nhân trên cơ sở ai đến trước mướn trước, không lưu ý đến khả năng và nghề nghiệp của công nhân. 2. Công việc làm theo thói quen, không có tiêu chuẩn và phương pháp. Công nhân tự mình định đoạt tốc độ làm việc. 3. Nhà quản trị làm việc bên cạnh người thợ, quên mất chức năng chính là lập kế hoạch và tổ chức công việc. Tính chuyên nghiệp của nhà quản trị không được thừa nhận. 4. Cần có sự phối hợp lao động giữa người công nhân và công việc được giao | D |
|  | Môi trường quản trị là: | 1. Tổng thể các yếu tố tác động lên tổ chức 2. Tổng thể các yếu tố chịu tác động của tổ chức 3. Tổng thể các yếu tố tác động tích cực vào tổ chức 4. Tổng thể các yếu tố tác động lên và chịu tác động bởi hoạt động của tổ chức. | D |
|  | Các bên liên quan bên ngoài tổ chức gồm những nhân tố nào: | Xu hướng kinh tế, xu hướng công nghệ, khách hàng và nhà cung cấp  Xu hướng công nghệ, hệ thống pháp luật, đối thủ cạnh tranh và nhà phân phối  Đặc điểm văn hóa xã hội, nhân khẩu học, chính quyền địa phương và các tổ chức đặc biệt  Tất cả đều đúng | D |
|  | Các yếu tố của môi trường vĩ mô bao gồm: | Các yếu tố kinh tế, chính trị và chính phủ, khách hàng, tự nhiên, kỹ thuật – công nghệ  Các yếu tố kinh tế, dân số, tự nhiên, chính trị và chính phủ, đối thủ cạnh tranh  Các yếu tố kinh tế, chính trị và chính phủ, xã hội, tự nhiên, kỹ thuật – công nghệ  Các yếu tố kinh tế, chính trị và chính phủ, trung gian marketing, kỹ thuật – công nghệ, đối thủ cạnh tranh | C |
|  | Đâu là khía cạnh phản ánh môi trường bên trong của doanh nghiệp: | Môi trường chính trị  Môi trường văn hóa của tổ chức  Môi trường công nghệ  Môi trường vĩ mô và môi trường tác nghiệp | B |
|  | Nhà cung ứng là yếu tố của môi trường nào sau đây? | Môi trường vĩ mô  Môi trường bên trong  Môi trường vi mô  Không có đáp án nào đúng | B |
|  | Đâu KHÔNG là yếu tố và điều kiện bên trong môi trường nội bộ của tổ chức? | Văn hóa doanh nghiệp  Tỉ lệ lạm phát  Tài sản hữu hình  Nguồn lực con người | B |
|  | Trong môi trường vi mô có những yếu tố cơ bản nào? | Đối thủ cạnh tranh  Khách hàng và hàng thay thế  Nhà cung cấp và các đối thủ mới tiềm ẩn  Tất cả các đáp án đều đúng | D |
|  | Đâu không phải là một yếu tố căn bản trong môi trường vi mô? | Kỹ thuật công nghệ  Khách hàng  Hàng thay thế  Người cung cấp | A |
|  | Trong các yếu tố môi trường kinh doanh, yếu tố nào có sự năng động nhất? | Xã hội  Chính trị - chính phủ  Kỹ thuật công nghệ  Yếu tố kinh tế | C |
|  | Các yếu tố nào sau đây không thuộc yếu tố kinh tế? | Sự tăng trưởng kinh tế  Các chính sách kinh tế  Chu kỳ sống của sản phẩm  Chu kỳ kinh doanh | C |
|  | Những nhóm yếu tố nào sau đây không được xem xét khi đánh giá rủi ro chính trị? | Sự mất ổn định trong nước  Bùng nổ dân số  Sự xung đột với nước ngoài  Xu thế chính trị | B |
|  | Các doanh nghiệp cần phân tích đối thủ cạnh tranh ở các nội dung nào? | Mục tiêu trong tương lai của đối thủ  Chiến lược kinh doanh đối thủ đang thực hiện  Tiềm năng họ có  Tất cả các đáp án đều đúng | D |
|  | Phân tích môi trường nội bộ của tổ chức giúp trả lời những câu hỏi nào? | Điểm mạnh- Điểm yếu  Yếu tố tự nhiên  Thách thức- Cơ hội  Yếu tố xã hội | A |
|  | Tham nhũng là một khía cạnh trong yếu tố môi trường … mà tổ chức cần quan tâm khi đầu tư. | Chính trị  Xã hội  Văn hóa  Luật pháp | A |
|  | Để đánh giá môi trường vĩ mô, mô hình … có thể được sử dụng. | PESTLE  SMART  5 lực lượng cạnh tranh Porter  Chuỗi phương tiện- kết quả | A |
|  | Thay đổi quy định của Nhà nước về điều kiện kinh doanh và sự phụ thuộc nguyên liệu đầu vào của doanh nghiệp là ví dụ về yếu tố môi trường nào trong quản trị? | Môi trường pháp luật và nhà cung cấp  Môi trường luật pháp và đối thủ cạnh tranh  Môi trường chính trị và khách hàng  Môi trường kinh tế và nhà cung cấp | A |
|  | Đối với siêu thị Big C, sự gia nhập của chuỗi bán lẻ Vinmart là một ví dụ về? | Nhà cung cấp  Sản phẩm thay thế  Khách hàng  Đối thủ cạnh tranh | D |
|  | Việc nghiên cứu môi trường quản trị đem lại những lợi ích nào sau đây? | Giúp các nhà quản trị xác định các yếu tố của môi trường và mức tác động của chúng đến tổ chức  Nhận diện những cơ hội và đe dọa của môi trường đến tổ chức, những điểm mạnh, yếu kém từ nội bộ tổ chức  Đề ra những giải pháp và quyết định quản trị phù hợp để phát triển tổ chức  Tất cả các đáp án đều đúng | D |
|  | Ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động của doanh nghiệp như thế nào? | Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp  Ảnh hưởng đến phạm vi hoạt động của doanh nghiệp  Ảnh hưởng đến mục tiêu và chiến lược của doanh nghiệp  Tất cả các đáp án đều đúng | D |
|  | Dịch bệnh COVID-19 làm đứt gãy các chuỗi cung ứng trên thế giới, ảnh hưởng tới việc nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất của doanh nghiệp là một ví dụ về ảnh hưởng của môi trường nào? | Môi trường vi mô  Môi trường vĩ mô  Môi trường bên trong  Môi trường kinh tế | B |
|  | Việc ép giá xuống, đòi hỏi chất lượng cao hơn và nhiều công việc dịch vụ hơn là ưu thế của ai? | Đối thủ cạnh tranh  Người cung cấp  Khách hàng  Đối thủ tiềm ẩn mới | C |
|  | Để có được các vật tư, thiết bị, lao động và tài chính, các doanh nghiệp phải liên hệ với ai? | Đối thủ cạnh tranh  Khách hàng  Người cung cấp  Đối thủ tiềm ẩn mới | C |
|  | Người cung cấp có thể tăng thêm lợi nhuận bằng cách nào? | Giảm giá, tăng chất lượng sản phẩm, tăng mức độ dịch vụ kèm theo  Giảm giá, giảm chất lượng sản phẩm, tăng mức độ dịch vụ kèm theo  Tăng giá, tăng chất lượng sản phẩm, giảm mức độ dịch cụ kèm theo  Tăng giá, giảm chất lượng sản phẩm, giảm mức độ dịch vụ kèm theo | D |
|  | Người mua có thế mạnh nhiều hơn khi họ có các điều kiện nào? | Lượng hàng người mua chiếm tỷ lệ lớn trong khối lượng hàng hóa bán ra của người bán  Việc chuyển sang mua hàng của người khác không gây nhiều tốn kém hay sản phẩm của người bán ít ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm của người mua  Người mua đưa ra tín hiệu đe dọa đáng tin cậy là sẽ hội nhập về phía sau với các bạn hàng cung ứng  Tất cả các đáp án đều đúng | D |
|  | Môi trường bên ngoài của doanh nghiệp là: | Các lực lượng kinh tế và đối thủ cạnh tranh  Môi trường vĩ mô và môi trường vi mô  Các lực lượng kinh tế và xã hội  Môi trường tự nhiên và môi trường vĩ mô | B |
|  | Môi trường ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp bao gồm: | Môi trường vi mô và môi trường vĩ mô  Môi trường tác nghiệp và môi trường nội bộ  Môi trường bên trong và môi trường bên ngoài doanh nghiệp  Môi trường vi mô, môi trường ngành và môi trường nội bộ | C |
|  | Phân tích môi trường hoạt động của tổ chức nhằm: | Xác định cơ hội và nguy cơ  Xác định điểm mạnh và điểm yếu  Phục vụ cho việc ra quyết định  Để có thông tin | C |
|  | Đáp án nào sau đây KHÔNG phải là tiêu thức để đo lường sự hiệu quả của tăng trưởng kinh tế? | Mức gia tăng sản lượng theo đầu người và mức tăng mức sống của các cá nhân điển hình trong dân cư  Mức tăng số lượng lao động có việc làm và lương cao  Mức gia tăng năng suất lao động cao và ổn định  Sự tăng trưởng kinh tế hiện tại không để lại những nguy cơ trong tương lai cho nền kinh tế | B |
|  | Đâu KHÔNG phải là cơ hội mà xu hướng toàn cầu hóa mang lại cho tổ chức? | Tiếp cận với chi phí lao động thấp  Chi phí vận tải thấp  Nhiều các tập đoàn quốc tế gia nhập thị trường  Nới lỏng các quy định pháp luật | C |
|  | Khi chỉ có một nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào cho công ty, nhà cung cấp đó sẽ …..với công ty đó. | Có sức mạnh đàm phán lớn  Có sức mạnh đàm phán yếu  Tăng cường hợp tác  Giảm giá bán | A |
|  | Giám đốc marketing không thể kiểm soát…nhưng có thể gây ảnh hưởng lên nó. | Địa điểm chạy quảng cáo  Cách thức phân phối sản phẩm hoặc dịch vụ  Các yếu tố môi trường bên ngoài  Cách định giá sản phẩm | C |
|  | …..là những tổ chức có cùng thị trường mục tiêu nhưng cung cấp các sản phẩm khác nhau để thỏa mãn nhu cầu của thị trường ví dụ như Spotify, Sony, Apple’s iPod. | Đối thủ cạnh tranh trực tiếp  Nhà cung cấp trực tiếp  Nhà phân phối gián tiếp  Đối thủ cạnh tranh gián tiếp | D |
|  | Bảo vệ vị trí cạnh tranh của doanh nghiệp đối với đối thủ tiềm ẩn bằng việc duy trì những hàng rào hợp pháp nào? | Lợi thế do sản xuất trên quy mô lớn và đa dạng hoá sản phẩm  Sự đòi hỏi có nguồn tài chính lớn và chi phí chuyển đổi mặt hàng cao  Khả năng hạn chế trong việc xâm nhập các kênh tiêu thụ vững vàng và ưu thế về giá thành mà đối thủ cạnh tranh không tạo ra đuợc  Tất cả các đáp án đều đúng | D |
|  | Các biện pháp hạn chế nhập khẩu sẽ mang lại điều gì? | Thiệt hại cho doanh nghiệp trong nước, có lợi cho doanh nghiệp ngoài nước  Thiệt hại cho người tiêu dùng, có lợi cho các doanh nghiệp ngoài nước  Thiệt hại cho các doanh nghiệp ngoài nước, có lợi cho người tiêu dùng  Thiệt hại cho người tiêu dùng, có lợi cho các doanh nghiệp trong nước | D |
|  | Phát biểu nào sau đây KHÔNG đúng khi nói về sự thay đổi của các yếu tố kỹ thuật công nghệ? | Chu kỳ đổi mới công nghệ ngày càng dài hơn  Vòng đời sản phẩm ngày càng ngắn hơn  Có nhiều cuộc cách mạng công nghệ mới về máy tính, robot và tự động hóa  Công nghệ mới có những ảnh hưởng đối với doanh nghiệp | D |
|  | Các chiến lược WT trong phân tích SWOT thể hiện? | Sử dụng các điểm mạnh để tận dụng cơ hội  Tối thiểu hóa điểm yếu và tránh khỏi mối đe dọa  Hạn chế các mặt yếu để lợi dụng các cơ hội  Vượt qua bất trắc bằng cách tận dụng điểm mạnh | A |
|  | Khi công nghệ cho phép khách hàng có nhiều cách thức mua sắm trực tuyến khác nhau, thì các nhà sản xuất và nhà bán lẻ truyền thống đang dần trở thành đối thủ cạnh tranh trực tiếp của nhau. Trong tình huống này, nếu trưởng phòng marketing không hiểu…., thì các nhà bán lẻ không thể có những kế hoạch hoạt động cách hiệu quả cho tương lai được. | 1. Chiến lược của đối thủ cạnh tranh 2. Các yếu tố kinh tế ảnh hưởng tới sự phát triển của công nghệ 3. Chiến lược của các nhà bán lẻ 4. Chiến lược của đối thủ cạnh tranh, Các yếu tố kinh tế ảnh hưởng tới sự phát triển của công nghệ và sự thay đổi thái độ của xã hội đối với công nghệ | D |
|  | Vào năm 2010, sản phẩm ô tô của TOYOTA có nhiều sai sót về kỹ thuật dẫn đến TOYOTA phải triệu hồi hàng triệu mẫu xe ăn khách. Điều này có nguy cơ làm sụp đổ hình ảnh thương hiệu của công ty trong lòng công chúng. Đối mặt với sự cố này, lãnh đạo TOYOTA ở Mỹ liên tục xuất hiện trên hàng loạt các cuộc phỏng vấn truyền hình, ký vào bức thư gửi đăng 20 tờ báo lớn giải thích về nỗ lực của TOYOTA trong giải quyết sự cố. Đây là ví dụ thể hiện rõ nhất sự ảnh hưởng yếu tố môi trường nào? | Khách hàng  Truyền thông  Công nghệ  Ban lãnh đạo | B |
|  | Hoàn thành vào chỗ trống với đáp án đúng:  …..bao gồm các yếu tố, các lực lượng bên ngoài tổ chức thường tác động một cách….đến tất cả các tổ chức hoạt động ở các lĩnh vực khác nhau. Chúng có….để cùng tác động đến tổ chức. | Môi trường vi mô/ gián tiếp/ mối quan hệ biện chứng  Môi trường vĩ mô/ trực tiếp/ mối quan hệ biện chứng  Môi trường vi mô/ trực tiếp/ mối quan hệ hỗ tương  Môi trường vĩ mô/ gián tiếp/ mối quan hệ hỗ tương | D |
|  | Công ty Ally's Applesauce đang trong quá trình tuyển dụng 60 công nhân. Phòng nhân sự đang gặp khó khăn do thiếu nhân sự có kỹ năng tại địa phương. Bối cảnh nào của môi trường bên ngoài liên quan đến trường hợp này? | Văn hóa – xã hội  Đối thủ cạnh tranh  Công nghệ  Thị trường lao động | D |
|  | Quản trị được định nghĩa là việc theo đuổi các mục tiêu của tổ chức: | Một cách hiệu quả và hiệu suất  Một cách chính xác và hợp lực  Một cách hiệu suất và theo định hướng chi tiết  Với niềm đam mê và hiệu quả | A |
|  | Chu trình lập kế hoạch có hai bước lớn, đó là: | 1. Lập kế hoạch, sau đó (2) nhận phản hồi. 2. Lập kế hoạch, sau đó (2) Đặt ra mục tiêu. 3. Đặt ra mục tiêu, sau đó (2) Lập kế hoạch.   (1) Xem xét các kế hoạch trước đó, sau đó (2) Đánh giá các kế hoạch. | C |
|  | ……. là những kế hoạch được phát triển cho các hoạt động không có khả năng lặp lại trong tương lai, chẳng hạn như kế hoạch cho các chương trình hoặc các dự án. | Kế hoạch sử dụng một lần  Đề xuất sử dụng đơn lẻ  Kế hoạch cá nhân  Kế hoạch thường xuyên | A |
|  | Lập kế hoạch là: | Xác định những mục tiêu và các biện pháp thực hiện mục tiêu  Xây dựng các kế hoạch dài hạn  Xây dựng các kế hoạch hàng năm  Xây dựng kế hoạch cho hoạt động của toàn công ty | A |
|  | Kế hoạch sử dụng nhiều lần là những cách thức hành động đã được tiêu chuẩn hoá để giải quyết những tình huống ……và có thể lường trước. | Ít xảy ra  Thường xảy ra  Phát sinh  Xuất hiện | B |
|  | Kế hoạch đã được duyệt của một tổ chức có vai trò: | Định hướng cho tất cả các hoạt động của tổ chức  Làm cơ sở cho sự phối hợp giữa các đơn vị, các bộ phận trong công ty  Làm căn cứ cho việc kiểm soát các hoạt động của tổ chức  Tất cả các đáp án | D |
|  | Quản trị bằng mục tiêu MBO giúp: | Động viên khuyết khích nhân viên cấp dưới tốt hơn  Tăng tính chủ động sáng tạo của nhân viên cấp dưới  Góp phần đào tạo và huấn luyện nhân viên cấp dưới  Tất cả các đáp án đều đúng | D |
|  | Bước đầu tiên trong quá trình lập kế hoạch chiến lược là: | Phân tích các đe doạ và cơ hội môi trường  Xác định sứ mệnh và các mục tiêu của tổ chức  Đánh giá điểm mạnh và điểm yếu của tổ chức  Xây dựng các kế hoạch chiến lược để lựa chọn | B |
|  | Bước thứ hai trong quá trình lập kế hoạch chiến lược là: | Phân tích các đe doạ và cơ hội môi trường  Xác định sứ mệnh và các mục tiêu của tổ chức  Đánh giá điểm mạnh và điểm yếu của tổ chức  Xây dựng các kế hoạch chiến lược để lựa chọn | A |
|  | Bước thứ ba trong quá trình lập kế hoạch chiến lược là: | Phân tích các đe doạ và cơ hội môi trường  Xác định sứ mệnh và các mục tiêu của tổ chức  Đánh giá điểm mạnh và điểm yếu của tổ chức  Xây dựng các kế hoạch chiến lược để lựa chọn | C |
|  | Bước cuối cùng trong quá trình lập kế hoạch chiến lược là: | Kiểm tra và đánh giá kết quả  Triển khai các kế hoạch tác nghiệp  Triển khai kế hoạch chiến lược  Lặp lại qúa trình lập kế hoạch | D |
|  | Lập kế hoạch chiến lược do ai đảm nhận? | Nhà quản trị cấp cao  Nhà quản trị cấp trung  Nhà quản trị cấp cơ sở  Nhà quản trị cấp cao và nhà quản trị cấp cơ sở | A |
|  | Điều nào sau đây KHÔNG được coi là một phần của chức năng lập kế hoạch của nhà quản trị? | 1. Xác định mục tiêu 2. Thúc đẩy/động viên nhân viên 3. Đưa ra các chiến lược 4. Ra quyết định | B |
|  | Tuyên bố sứ mệnh và tuyên bố tầm nhìn nhằm trả lời hai câu hỏi nào? | Chúng ta muốn trở thành gì?; Lý do của chúng ta tồn tại là gì?  Lý do tồn tại của chúng ta là gì?; Chúng ta muốn trở thành gì?  Chúng tôi cung cấp những sản phẩm dịch vụ gì?; Lý do chúng ta tồn tại là gì?  Chúng ta muốn trở thành gì?; Chúng tôi cung cấp những sản phẩm dịch vụ gì? | B |
|  | Một tuyên bố sứ mệnh thể hiện…. | 1. Lợi nhuận mong đợi của một tổ chức 2. Mục đích của một tổ chức 3. Quy tắc đạo đức của một tổ chức 4. Thị trường hoạt động của tổ chức | B |
|  | Kế hoạch dài hạn trong tổ chức thường có thời gian…. | Dưới 1 năm  Từ 1 đến 3 năm  Từ 3 đến 5 năm  Trên 5 năm | D |
|  | Thứ tự nào sau đây là đúng? | Viết tuyên bố sứ mệnh, tạo tuyên bố tầm nhìn và lập kế hoạch chiến lược  Lập kế hoạch chiến lược, tạo ra một tuyên bố sứ mệnh và tạo ra một tuyên bố tầm nhìn  Lập kế hoạch hoạt động, tạo tuyên bố sứ mệnh và phát triển kế hoạch tuyển dụng  Hoạch định chiến lược, lập kế hoạch hoạt động và chuẩn bị tuyên bố tầm nhìn | A |
|  | Xây dựng mục tiêu theo kiểu truyền thống là những mục tiêu được xác định: | Từ khách hàng  Áp đặt từ cấp cao  Theo nhu cầu thị trường  Từ cấp dưới | B |
|  | Xây dựng mục tiêu theo kiểu MBO là những mục tiêu được đặt ra theo cách | Từ cấp cao  Từ cấp dưới  Cấp trên định hướng và cùng cấp dưới để ra mục tiêu  Mục tiêu trở thành cam kết | C |
|  | Đặc tính của MBO là mỗi thành viên trong tổ chức… ràng buộc và… hành động trong suốt quá trình quản trị. | Cam kết, tự nguyện  Chấp nhận, tích cực  Tự nguyện, tích cực  Tự nguyện, cam kết | D |
|  | Theo Michael E. Porter, các chiến lược cạnh tranh tổng thể của doanh nghiệp là…. | Chi phí thấp, khác biệt hoá, tấn công  Chi phí thấp, khác biệt hoá, tập trung  Tập trung, Chi phí thấp, tấn công sườn  Giá thấp, giá cao, giá trung bình | B |
|  | Thời gian dành cho chức năng lập kế hoạch sẽ cần nhiều hơn với nhà quản lý…. | Cấp trung  Cấp cao  Cấp cơ sở  Tất cả các nhà quản trị | B |
|  | Trong quá trình hoạch định chiến lược, những quá trình nào có thể được tiến hành đồng thời? | Xây dựng chiến lược để lựa chọn, triển khai các kế hoạch chiến lược, kiểm tra và đánh gía kết quả  Xây dựng chiến lược để lựa chọn, triển khai các kế hoạch chiến lược, triển khai các kế hoạch tác nghiệp  Xác định sứ mệnh và các mục tiêu của tổ chức, đánh giá những điểm mạnh và điểm yếu của tổ chức  Tất cả các đáp án đều sai | C |
|  | Các câu hỏi “chúng ta là ai?”, “chúng ta muốn trở thành một tổ chức như thế nào?”, các mục tiêu định hướng của chúng ta là gì?” được dùng để…. | Xây dựng các chiến lược để lựa chọn  Triển khai các kế hoạch chiến lược  Xác định sứ mệnh và các mục tiêu của tổ chức  Đánh gía những điểm mạnh và điểm yếu của tổ chức | C |
|  | Nội dung của hoạch định bao gồm các yếu tố, trừ…. | Thiết lập mục tiêu  Phân tích dây chuyền giá trị  Phân tích nội bộ doanh nghiệp  Xây dựng hệ thống kiểm soát | D |
|  | Các loại kế hoạch khác nhau ở…. | Thời hạn  Khuôn khổ  Việc nêu ra những mục tiêu  Tất cả các đáp án | D |
|  | Khi lập kế hoạch, nhà quản trị sẽ…. | Làm giảm tính linh hoạt của tổ chức  Lãng phí thời gian  Phối hợp nỗ lực của tổ chức  Khó điều chỉnh được | C |
|  | Quản trị bằng mục tiêu MBO là gì? | Là cách quản trị thông qua việc mọi thành viên tự mình xác định mục tiêu  Là cách quản trị thông qua việc mọi thành viên quản lý và thực hiện những mục tiêu doanh nghiệp đề ra  Là cách quản trị thông qua việc mọi thành viên xác định mục tiêu và thực hiện mục tiêu đó  Là cách quản trị thông qua việc mọi thành viên xác định mục tiêu, tự mình quản lý và thực hiện các mục tiêu đề ra | D |
|  | Mục tiêu nào sau đây được diễn đạt tốt nhất theo SMART? | Xây dựng thêm một số nhà máy trong thời gian tới  Đạt doanh số gấp 3 lần vào cuối năm  Nâng mức thu nhập bình quân của nhân viên bán hàng lên 5 triệu/tháng vào năm 2023  Thành lập công ty thành công hơn Apple trong 2 năm tới | C |
|  | Phát biểu nào sau đây là đúng nhất? | Hoạch định luôn khác xa thực tế  Đôi khi hoạch định chỉ mang tính hình thức  Các dự báo là cơ sở quan trọng của hoạch định  Mục tiêu là nền tảng của hoạch định | D |
|  | Trong bước Phân tích những đe doạ và cơ hội của môi trường, những áp lực cạnh tranh trong ngành và trên thị trường bao gồm: | 1. Sự cạnh tranh của các doanh nghiệp hoạt động trong ngành, quyền thương lượng, trả giá của nhà cung cấp, sự đe doạ của hàng hoá hay dịch vụ thay thế, sự đe doạ của các đối thủ cạnh tranh 2. Sự cạnh tranh của các doanh nghiệp hoạt động trong ngành, quyền thương lượng, trả giá của nhà cung cấp, sự đe doạ của hàng hoá hay dịch vụ thay thế, sự đe doạ của các đối thủ cạnh tranh, quyền thương lượng, trả giá của khách hàng 3. Sự cạnh tranh của các doanh nghiệp hoạt động khác ngành, quyền thương lượng, trả giá của nhà cung cấp, sự đe doạ của hàng hoá hay dịch vụ thay thế, sự đe doạ của các đối thủ cạnh tranh, quyền thương lượng, trả giá của khách hàng 4. Tất cả các đáp án đều sai | B |
|  | Quyền thương lượng của khách hàng phụ thuộc vào: | Khả năng của họ trong việc yêu cầu được ưu đãi, khuyến mại  Khả năng của họ trong việc tạo ra áp lực giảm giá  Khả năng của họ trong việc tạo ra áp lực giảm giá, chất lượng sản phẩm cao, hay chiết khấu theo số lượng hàng mua  Tất cả các đáp án đều sai | C |
|  | Việc đánh giá những điểm mạnh và điểm yếu cho phép các nhà quản trị…. | Tìm được phương pháp kinh doanh phù hợp  Nhận diện những năng lực cốt lõi của tổ chức  Tạo ra những cơ hội nâng cao khả năng cho tổ chức  Tiếp cận gần hơn với những khách hàng tiềm năng | B |
|  | Trong ma trận tăng trưởng và tham gia thị trường của BCG, ô Dấu hỏi (Question marks): | Chỉ các đơn vị kinh doanh có phân chia thị trường thấp yếu ở một thị trường có tăng trưởng chậm  Chỉ hoạt động kinh doanh của công ty hoạt động trong một thị trường với mức tăng trưởng cao nhưng lại có phần tham gia thị trường thấp  Chỉ người dẫn đầu trong một thị trường có độ tăng trưởng cao  Xuất hiện khi tỉ suất tăng trưởng của thị trường này hàng năm giảm xuống dưới 10% | B |
|  | Theo ma trận tăng trưởng và tham gia thị trường của BCG, khi công ty xác định mục tiêu chiến lược và ngân sách để giao phó cho mỗi đơn vị kinh doanh chiến lược, các mục tiêu cụ thể là: | Xây dựng (build), phát triển (improve), duy trì (hold), gặt hái ngay (harvest)  Xây dựng (build), phát triển (improve), duy trì (hold), loại bỏ (divest)  Xây dựng (build), duy trì (hold), gặt hái ngay (harvest), loại bỏ (divest)  Phát triển (improve), duy trì (hold), loại bỏ (divest), gặt hái ngay (harvest) | C |
|  | Ma trận điểm mạnh-điểm yếu với cơ hội-nguy cơ (SWOT) có thể giúp nhà quản trị phát triển bao nhiêu loại chiến lược? | 2  6  3  4 | D |
|  | Mục đích của lập kế hoạch không bao gồm yếu tố nào? | Phối hợp nỗ lực của toàn bộ tổ chức  Giảm sự chồng chéo  Là cơ sở cho hoạt động kiểm soát  Loại trừ khả năng biến động của môi trường | C |
|  | Theo phương pháp MBO, yếu tố nào sau đây làm tăng hiệu quả quản trị? | Kiểm soát chặt chẽ  Mục tiêu đưa từ trên xuống  Mục tiêu thách thức, cụ thể  Lãnh đạo theo phong cách tự do | C |
|  | Một mục tiêu được thiết lập không nhất thiết phải có đặc điểm nào sau đây? | Thách thức nhưng khả thi  Phải mang tính dài hạn  Chú trọng vào kết quả  Phải được trình bày bằng văn bản | B |
|  | Câu nào SAI trong những câu sau đây? | Mục tiêu là những mong đợi mà nhà quản trị muốn đạt được trong tương lai cho tổ chức của mình  Mục tiêu là nền tảng của hoạch định  Những mục tiêu định tính thường dễ đo lường  Các nhà nghiên cứu về quản trị học phân biệt | C |
|  | Hình thành bộ phận theo quy trình là: | Xử lý hiệu quả và năng suất hơn các vấn đề khu vực cụ thể nảy sinh  Hiệu quả từ việc kết hợp lao động cùng chuyên ngành, có kỹ năng, kiến thức và định hướng chung  Các thành viên từ các khu vực khác nhau được tập hợp trong một đội/nhóm cho những nhiệm vụ nhất định  Nhóm các công việc trên cơ sở là dây chuyền sản phẩm hoặc dây chuyền phục vụ khách hàng | D |
|  | Đâu KHÔNG là sự khác nhau giữa quyền hạn và quyền lực? | Tính chính thức  Tính hợp pháp  Có thể bị mất đi  Đặc điểm cá nhân | C |
|  | ….. là "Đề cập đến một năng lực cá nhân ảnh hưởng đến các quyết định" | Lãnh đạo  Quản trị cấp cao  Quyền hạn  Quyền lực | D |
|  | Nguyên tắc thống nhất mệnh lệnh trong chuỗi mệnh lệnh được phát biểu là: | Mỗi người nên chịu trách nhiệm báo cáo với nhiều người quản trị  Mỗi người chỉ nên chịu trách nhiệm báo cáo với một và chỉ một người quản trị trực tiếp duy nhất  Nhiều nhà quản trị quản lý một người là hiệu quả  Mệnh lệnh đưa ra thì không nên thu hồi lại | B |
|  | Mục tiêu của chức năng tổ chức: | Khai thác tối đa năng suất của máy móc  Tạo môi trường nội bộ thuận lợi cho mỗi cá nhân, bộ phận phát huy được năng lực và nhiệt tình, đóng góp tốt nhất vào việc hoàn thành mục tiêu chung  Tổ chức phải thích nghi, đáp ứng được với những biến động của bên ngoài  Tất cả các đáp án đều sai | B |
|  | Tổ chức: Một chức năng của quản trị bao gồm việc (1) .... và (2) …. hoạt động công việc nhằm đạt được các mục tiêu tổ chức | Hoạch định - kế hoạch  Sắp xếp - cấu trúc hoá  Thành lập - đơn vị  Kiểm soát - nhân viên | B |
|  | Phạm vi/tầm mức quản lý rộng hay hẹp tùy thuộc vào: | Trình độ của nhân viên  Trình độ của nhà quản trị  Công việc  Tất cả các đáp án đều đúng | D |
|  | Xây dựng cơ cấu tổ chức là: | Xác định các đơn vị phòng ban  Phân định quyền hạn và trách nhiệm giữa các cấp trong tổ chức  Xác định phạm vi quản lý  Tất cả các đáp án đều đúng | D |
|  | Cơ cấu tổ chức hiệu quả là: | Cơ cấu tổ chức theo chức năng  Cơ cấu tổ chức theo đơn vị  Cơ cấu tổ chức theo sản phẩm  Cơ cấu tổ chức phù hợp với chiến lược của tổ chức | D |
|  |  |  |  |
|  | Thể hiện mối quan hệ quyền hạn giữa cấp  trên  và  các cấp  dưới trực tiếp  trải dài từ cấp cao  nhất xuống tới cấp thấp nhất trong tổ chức là gì? | Quyền hạn trực tuyến  Quyền hạn chức năng  Quyền hạn tham mưu  Không có phương án nào đúng | A |
|  | Các hoạt động dưới đây hoạt động nào KHÔNG thuộc chức năng lập kế hoạch | Đưa ra các dự kiến công việc thực hiện  Kiểm tra tiến độ công việc của các bộ phận  Thiết lập các mục tiêu  Đưa ra các chiến lược dài hạn | B |
|  | Xây dựng cơ cấu tổ chức là: | Xác định các bộ phận (đơn vị)  Xác lập các mối quan hệ ngang giữa các đơn vị hoặc bộ phận  Xác lập các mối quan hệ trong của tổ chức  Tất cả các đáp án đều đúng | D |
|  | Người quản lý đưa ra các mệnh lệnh với cấp dưới và yêu cầu các mệnh lệnh này được thực hiện. Đây là ví dụ về: | Nghĩa vụ  Quyền lực  Quyền hạn  Trách nhiệm | C |
|  | Chức năng quản trị nào trong các chức năng sau là chức năng thiết kế cơ cấu. Công việc của chức năng này bao gồm: xác định những việc phải làm, người nào phải làm, phối hợp hoạt động ra sao, bộ phận nào được hình thành, quan hệ giữa các bộ phận được thiết lập thế nào và hệ thống quyền hành trong tổ chức đó được thiết lập ra sao. | Chức năng hoạch định  Chức năng tổ chức  Chức năng lãnh đạo  Chức năng kiểm tra | B |
|  | "Đường quyền hạn liên tục nối từ các cấp cao hơn xuống các cấp thấp nhất, trong đó làm rõ ai báo cáo /chịu trách nhiệm với ai" là nội dung của yếu tố: | Phạm vi kiểm soát  Chuỗi mệnh lệnh  Phân chia công việc  Thiết kế năng lực cá nhân | B |
|  | "Phục vụ nhu cầu khác nhau ở các khu vực khác nhau tốt hơn" là nội dung của cách phân khâu theo: | Vị trí địa lý  Vị trí công việc  Chức năng  Hạng mục sản phẩm | A |
|  | Khi nào nên thiết kế tổ chức có tầm mức quản lý rộng? | Nhà quản trị phải có năng lực tốt  Cấp dưới không có khả năng thực hiện công việc như chỉ dẫn  Thông tin lưu chuyển chậm  Ra quyết định phi tập trung | A |
|  | Cùng một lúc, một cấp dưới nhận được lệnh có nội dung trái nhau của hai cấp trên quyền lực ngang nhau (ví dụ các phó tổng giám đốc), thì hành động xử lý nào là đúng: | Không thi hành lệnh nào cả, báo cáo với các cấp trên, chờ ý kiến của cấp trên gần nhất, trực tiếp nhất.  Thực hiện cả hai lệnh.  Thực hiện lệnh đến sớm trước.  Báo cáo lên cấp trên cao hơn. | A |
|  | Hiệu may quần áo, tiệm bách hóa, tiệm ăn v.v… thuộc mô hình bộ máy tổ chức nào? | Mô hình cấu trúc đơn giản  Mô hình cấu trúc chức năng.  Mô hình cấu trúc phân ngành.  Mô hình hỗn hợp trực tuyến chức năng. | A |
|  | Nhược điểm của cơ cấu tổ chức theo chức năng | Vi phạm nguyên tắc thống nhất mệnh lệnh/chỉ huy  Thiếu sự gắn kết giữa các phòng ban chuyên môn  Chế độ trách nhiệm không rõ ràng  Tất cả các đáp án đều đúng | B |
|  | Khi doanh nghiệp muốn đẩy nhanh quá trình quyết định và gần với khách hàng hơn, doanh nghiệp nên chọn yếu tố nào sau đây: | Phạm vi quản lý rộng  Tập quyền  Chuyên môn hóa  Giao quyền | A |
|  | Công ty A thành lập ba trung tâm cho khách hàng cá nhân, khách hàng tổ chức và các cơ quan của chính phủ. Cơ cấu tổ chức như vậy được gọi là kiểu tổ chức theo…. | Chức năng  Sản phẩm  Quá trình  Khách hàng | D |
|  | Ý nào sau đây là ưu điểm của hình thành bộ phận theo khu vực địa lý? | Tiết kiệm thời gian và các nguồn lực của tổ chức do sự phục vụ sản xuất được thực hiện tại chỗ  Nâng cao khả năng phát triển chuyên môn trong bộ phận.  Các nhu cầu và vấn đề của khách hàng có thể được giải quyết bởi các chuyên gia.  Tất cả các đáp án đều sai | A |
|  | "Một cá nhân hay nhóm làm việc có thể chuyên sâu vào một công việc hay công đoạn nào đó trong quá trình sản xuất" là nội dung trong thiết kế tổ chức: | Tập quyền và phân quyền  Chuyên môn hóa trong công việc  Chuẩn hóa trong công việc  Thiết kế năng lực cá nhân | B |
|  | Để trả lời cho câu hỏi một người quản lý bao nhiêu người thì đạt hiệu quả và hiệu suất cao, chúng ta đang nhắc đến yếu tố…trong thiết kế tổ chức. | Phạm vi kiểm tra  Chuỗi mệnh lệnh  Phân chia công việc  Thiết kế năng lực cá nhân | A |
|  | Thách thức khi tổ chức thiết kế theo xu hướng kiểm tra hẹp là: | Nhiều tầng lớp quản lý  Kiểm tra chặt chẽ  Thông tin lưu chuyển nhanh  Ra quyết định phi tập trung | A |
|  | Xu hướng chọn tầm hạn kiểm tra ngày nay là: | Xu hướng kiểm tra rộng  Xu hướng kiểm tra hẹp  Xu hướng bao quát  Xu hướng nhiều tầng lớp quản lý | A |
|  | Hiếu, trưởng phòng kinh doanh, yêu cầu nhân viên làm việc nhưng không chắc chắn họ hiểu nhiệm vụ được giao. Hiếu đã vi phạm nguyên tắc: | Tập trung dân chủ  Nguyên tắc thống nhất mệnh lệnh  Nguyên tắc thực thi mệnh lệnh  Nguyên tắc giao tiếp cơ bản | C |
|  | Cấu trúc ma trận và dự án đã phá vỡ: | Nguyên tắc thực thi mệnh lệnh  Nguyên tắc thống nhất mệnh lệnh  Nguyên tắc thiết kế tổ chức  Nguyên tắc giám sát và kiểm tra | B |
|  | Đặc tính cứng nhắc và được kiểm soát chặt chẽ là của cấu trúc: | Hữu cơ  Phi tập trung  Cơ học  Hiện đại | C |
|  | Đặc tính tính thích nghi và mức độ linh hoạt cao là của cấu trúc: | Hữu cơ  Phi tập trung  Cơ học  Hiện đại | A |
|  | Tổ chức đang gặp khủng hoảng hoặc có nguy cơ gặp thách thức lớn thì nên được thiết kế lại theo hướng: | Chuỗi mệnh lệnh đơn giản  Tập quyền  Phân quyền  Hỗn hợp nhóm | B |
|  | Nguyên tắc thực thi mệnh lệnh KHÔNG bao gồm những đặc điểm nào dưới đây: | Cấp dưới hiểu mệnh lệnh  Cấp dưới có khả năng thực hiện công việc như chỉ dẫn  Mệnh lệnh không trái với niềm tin cá nhân  Một người phải báo cáo với hai nhà quản lý | D |
|  | Phạm vi quản lý/kiểm soát rộng hay hẹp phụ thuộc vào yếu tố nào? | Trình độ của nhà quản trị  Trình độ của nhân viên  Đặc điểm công việc phải thực hiện  Tất cả các đáp án đều đúng | D |
|  | Phân quyền chỉ hiệu quả khi: | Cho các nhân viên cấp dưới tham gia vào quá trình phân quyền  Gắn liền quyền hạn với trách nhiệm  Chỉ chú trọng đến kết quả  Tất cả các đáp án đều đúng | B |
|  | Đâu KHÔNG là cách phân chia theo chức năng: | Phòng kĩ thuật  Phòng tài chính  Phòng phụ trách khách hàng bán lẻ  Phòng sản xuất | C |
|  | Nhược điểm "Nhân rộng các chức năng trong từng dòng sản phẩm" là nhược điểm của: | Phân khâu theo khu vực địa lý  Phân khâu theo nhóm khách hàng  Phân khâu theo nhóm sản phẩm  Phân khâu theo chức năng | C |
|  | Cấu trúc tổ chức thường được mô tả qua một: | Sơ đồ tổ chức  Biểu đồ tiến trình  Bản vẽ kĩ thuật  Quy trình thiết lập mục tiêu | A |
|  | Sơ đồ tổ chức thể hiện: | Cấp bậc trong tổ chức  Hệ thống thông tin trong tổ chức  Cấu trúc của một tổ chức  Tất cả các đáp án đều đúng | D |
|  | Dưới đây là nguyên tắc thiết kế sơ đồ tổ chức, ngoại trừ: | Càng ít cấp bậc càng tốt  Chỉ ra ai có thẩm quyền đối với ai  Bao gồm tầm nhìn và sứ mệnh  Thể hiện trách nhiệm và thông tin liên lạc | C |
|  | Phong cách lãnh đạo nào sau đây mô tả người lãnh đạo có xu hướng tập trung quyền hạn, chỉ thị các phương pháp làm việc, ra quyết định đơn phương và hạn chế sự tham gia của nhân viên? | 1. Phong cách tự do 2. Phong cách văn hóa 3. Phong cách dân chủ 4. Phong cách độc đoán | D |
|  | Phong cách lãnh đạo nào dưới đây mô tả người lãnh đạo có xu hướng lôi kéo nhân viên tham gia việc ra quyết định, giao phó quyền hạn, khích lệ nhân viên tham gia quyết định phương pháp và mục tiêu làm việc, và sử dụng thông tin phản hồi là cơ hội để huấn luyện nhân viên. | 1. Phong cách tự do 2. Phong cách văn hóa 3. Phong cách dân chủ 4. Phong cách độc đoán | B |
|  | Giải quyết một cuộc xung đột là hoạt động thuộc chức năng quản trị nào? | 1. Hoạch định 2. Tổ chức 3. Lãnh đạo 4. Kiểm tra | C |
|  | Theo thuyết về bản chất con người của Mc. Gregor, người có bản chất Y là người: | Lười biếng, không thích làm việc, chỉ làm việc khi bị bắt buộc  Ham thích làm việc, biết tự kiểm soát, có khả năng sáng tạo  Lười biếng, không muốn nhận trách nhiệm  Tất cả các đáp án đều sai | B |
|  | Theo thuyết về bản chất con người của Mc. Gregor, người có bản chất X là người: | Lười biếng, không thích làm việc, chỉ làm việc khi bị bắt buộc  Ham thích làm việc, biết tự kiểm soát, có khả sáng tạo  Lười biếng, không muốn nhận trách nhiệm  Tất cả các đáp án đều sai | A |
|  | Đâu KHÔNG phải là động lực làm việc của nhân viên: | Sự thách thức và hấp dẫn của công việc  Cơ hội thăng tiến  Phần thưởng  Tất cả các đáp án đều đúng | D |
|  | Nhu cầu của con người bị ảnh hưởng bởi: | Mong muốn  Hiện thực  Môi trường xung quanh  Tất cả các đáp án đều đúng | D |
|  | Đặc điểm của phong cách lãnh đạo dân chủ là: | Lãnh đạo ra quyết định là chính  Cấp dưới được phép ra một số quyết định  Việc thực hiện yêu cầu của lãnh đạo là bắt buộc  Giám sát chặt chẽ | B |
|  | Đặc điểm nào thuộc phong cách độc đoán: | Giám sát quá trình thực hiện quyết định  Tham khảo ý kiến cấp dưới  Mức độ tự quyết của cấp dưới cao  Quyết định được đưa ra thường có sự đồng thuận cao từ các thành viên trong tổ chức | A |
|  | Vấn đề nào dưới đây thuộc chức năng lãnh đạo? | Khích lệ  Thông tin  Lập kế hoạch  Đánh giá | A |
|  | Theo Herzberg, các yếu tố nào là yếu tố động viên nhân viên làm việc hăng hái hơn? | Lương bổng, phúc lợi, an tâm công tác  Hứng thú trong công việc, điều kiện làm việc thoải mái  Cảm giác hoàn thành công việc, công việc đòi hỏi sự phấn đấu và cơ hội được cấp trên nhận biết  Tất cả các đáp án đều đúng | C |
|  | Khi một nhân viên thỏa mãn hơn trong công việc của họ, họ sẽ: | Mất đi động lực cống hiến  Nỗ lực hơn trong công việc  Gắn bó với doanh nghiệp hơn  Nỗ lực hơn trong công việc và gắn bó với doanh nghiệp hơn | D |
|  | Chọn đáp án SAI khi phân biệt giữa người quản lý và người lãnh đạo. | Người lãnh đạo có thể gây ảnh hưởng nằm ngoài các quyền hạn chính thức  Người quản lý được bổ nhiệm  Người quản lý gây ảnh hưởng thông qua các hình thức không chính thức  Người lãnh đạo có thể được bổ nhiệm | C |
|  | Người quản lý và người lãnh đạo .... | Luôn là hai người khác biệt  Luôn luôn cùng là một người  Tùy trường hợp mà có thể cùng là một người hoặc hai người riêng biệt  Là hai cách gọi của cùng một khái niệm | C |
|  | Lãnh đạo làm tìm cách…… đến người khác để đạt được mục tiêu của tổ chức. | Ra lệnh  Gây ảnh hưởng  Bắt buộc  Tất cả đều sai | B |
|  | Theo quan điểm quản trị hiện đại, người lãnh đạo hiện đại là người…… đến người khác để đạt được mục tiên của tổ chức. | Ra lệnh  Bắt buộc  Truyền cảm hứng  Tất cả các đáp án đều đúng | C |
|  | Việc khích lệ các nhân viên dưới quyền thuộc chức năng nào trong quản trị? | Hoạch định  Tổ chức  Lãnh đạo  Kiểm soát | C |
|  | Lãnh đạo là tìm cách gây ảnh hưởng đến người khác nhằm đạt được……của tổ chức. | Kế hoạch  Kết quả  Mục tiêu  Lợi nhuận | C |
|  | Quyền lực nào có được từ vị trí quản lý? | Quyền khen thưởng  Quyền bắt buộc  Quyền theo dõi  Quyền khen thưởng và Quyền bắt buộc | D |
|  | Quyền lực chuyên môn là: | Những quyền và trách nhiệm mà người quản lý có thể dành cho nhân viên.  Khả năng ép buộc nhân viên tuân thủ mệnh lệnh  Khả năng gây ảnh hưởng dựa trên những kiến thức và kỹ năng cần thiết trong công việc  Khả năng động viên nhân viên tuân thủ mệnh lệnh | C |
|  | Quyền lực tham chiếu chỉ có ở: | Quản lý cấp cao  Quản lý cấp trung  Quản lý cấp thấp  Tất cả các đáp án đều sai | D |
|  | Điều gì có thể xảy ra khi nhà quản lý lạm dụng quyền bắt buộc? | Sự phản kháng  Sự thuyết phục  Sự tin cậy  Tất cả các đáp án đều đúng | A |
|  | Quyền bắt buộc tạo ra … tạm thời. | Sự nghe lời  Sự thuyết phục  Sự tin cậy  Tất cả các đáp án đều đúng | A |
|  | Hai loại xung đột phổ biến trong tổ chức là: | Xung đột chức năng, xung đột lợi ích  Xung đột chức năng, xung đột nhiệm vụ  Xung đột chức năng, xung đột phi chức năng  Xung đột nhiệm vụ, xung đột lợi ích | C |
|  | Theo Herzberg, yếu tố nào KHÔNG phải là yếu tố bình thường | Điều kiện làm việc B  Các cơ hội thăng tiến  Địa vị  Lương bổng | B |
|  | Sức sáng tạo của nhân viên sẽ được phát huy tốt nhất trong môi trường với phong cách lãnh đạo nào? | Độc đoán  Dân chủ  Tự do  Tất cả đều ngang nhau | C |
|  | Đặc điểm của phong cách lãnh đạo dân chủ là: | Giải quyết vấn đề nhanh chóng  Hiệu quả làm việc thấp khi thiếu lãnh đạo  Tạo được sự đồng thuận, nhất trí trong tập thể  Tất cả các đáp án đều đúng | C |
|  | Theo thuyết về bản chất con người của Mc. Gregor, con người có: | Có bản chất lười biếng, không thích làm việc  Có bản chất siêng năng, ham thích làm việc  Cả hai đáp án đều đúng  Cả hai đáp án đều sai | C |
|  | Chức năng của nhà lãnh đạo là: | Vạch ra các mục tiêu và phương hướng phát triển tổ chức  Bố trí lực lượng thực hiện các mục tiêu của tổ chức  Động viên khuyến khích nhân viên  Tất cả các đáp án đều đúng | D |
|  | Phong cách lãnh đạo mang lại hiệu quả lớn nhất là: | Độc đoán  Dân chủ  Tự do  Tất cả các đáp án đều sai | D |
|  | Động cơ hành động của con người xuất phát mạnh nhất từ: | Phần thưởng  Nhu cầu ở cấp độ cao  Nhu cầu chưa được thỏa mãn  Sự công nhận | C |
|  | Biện pháp khích lệ nhân viên phù hợp nên được xuất phát từ: | Ý muốn của nhà lãnh đạo  Nhu cầu của nhân viên  Khả năng của doanh nghiệp  Tất cả các đáp án đều sai | B |
|  | 5 cấp độ của nhu cầu là nội dung học thuyết của ai? | David Mc. Clelland  Maslow  Herzberg  Tất cả đều sai | B |
|  | Đâu không phải là nhu cầu con người theo học thuyết của David Mc. Clelland | Nhu cầu tôn trọng  Nhu cầu thành tựu  Nhu cầu liên minh  Nhu cầu quyền lực | A |
|  | Nhà lãnh đạo không cần cân nhắc đến yếu tố nào khi lựa chọn phong cách lãnh đạo: | Từng cá nhân nhân viên  Tập thể nhân viên  Cá tính nhà quản trị  Môi trường vĩ mô | D |
|  | Theo Herberg, yếu tố dẫn đến sự thỏa mãn của nhu cầu không bao gồm: | Cơ hội phát triển  Trách nhiệm  Sự tiến bộ  Tiền lương | D |
|  | Nhà lãnh đạo A phụ trách các thợ may tại một phân xưởng nên sử dụng phong cách lãnh đạo nào? | Độc đoán  Dân chủ  Tự do  Tất cả các đáp án đều sai | A |
|  | Bản chất của lãnh đạo là: | Đạt được mục tiêu của tổ chức  Đảm bảo quyền và lợi ích của doanh nghiệp  Hài hòa lợi ích giữa các cá nhân  Tạo ra môi trường làm việc thân thiện | C |
|  | Đổi với người mang bản chất X (thuyết về bản chất con người của Mc. Gregor), nhà quản trị nên áp dụng biện pháp: | Kích thích bằng vật chất, đôn đốc và kiểm tra thường xuyên  Tôn trọng ý kiến, khuyến khích tính chủ động và sáng tạo  Khích lệ động viên bằng lời nói  Tất cả các đáp án đều đúng | A |
|  | Đổi với người mang bản chất Y (thuyết về bản chất con người của Mc. Gregor), nhà quản trị nên áp dụng biện pháp: | Kích thích bằng vật chất, đôn đốc và kiểm tra thường xuyên  Tôn trọng ý kiến, khuyến khích tính chủ động và sáng tạo  Khích lệ động viên bằng lời nói  Tất cả các đáp án đều đúng | B |
|  | Công ty VTM là công ty xây dựng các công trình quân đội, có chi nhánh tại nhiều tỉnh thành. Lãnh đạo công ty nên làm cách nào để quản lý được tối ưu? | * Tập trung quyền lực * Phân bố công việc theo từng công trình * Sắp xếp tự động cho từng cá nhân * Phân quyền | D |
|  | Công ty TNHH MTV HVTC là nhà thầu chuyên sâu về điện lạnh thực hiện nhiều dự án uy tín trong cả nước. Tập thể lãnh đạo và nhân viên đã tìm ra nhiều giải pháp kỹ thuật để có cơ hội phát triển tiên phong và chuyên sâu trong nghề. Ai có công sức đóng góp đều được trả công xứng đáng. Nhà quản trị đã áp dụng biện pháp quản trị nào? | Kích thích bằng vật chất, đôn đốc và kiểm tra thường xuyên  Tôn trọng ý kiến, khuyến khích tính chủ động và sáng tạo  Khích lệ động viên bằng lời nói  Áp dụng cả đối với người mang bản chất X và Y | D |
|  | Công ty TNHH ZAJ là công ty xây dựng phần mềm với 6 người cùng hợp tác xây dựng và phát triển phần mềm. Công ty nên áp dụng phương pháp lãnh đạo nào? | * Tập trung quyền lực * Phân bố công việc theo từng công trình * Sắp xếp tự động cho từng cá nhân * Phân quyền | C |
|  | Nhà quản trị so sánh kết quả thực hiện với mục tiêu đề ra và thực hiện các biện pháp khắc phục thuộc chức năng quản trị nào? | Lập kế hoạch  Tổ chức  Lãnh đạo  Kiểm tra | D |
|  | Phương pháp quan sát cá nhân là người quản lý... thu thập thông tin bằng việc quan sát hoạt động của nhân viên. | Theo dõi  Tham gia  Trực tiếp  Ra lệnh | C |
|  | Câu nào sau đây KHÔNG đúng? | Kiểm tra là một quá trình  Kiểm tra cần thực hiện đối với tất cả các hoạt động của doanh nghiệp  Cần kiểm tra trong quá trình thực hiện  Kiểm tra chỉ cần thực hiện ở giai đoạn cuối cùng của quá trình quản trị | D |
|  | Đâu là vai trò của chức năng kiểm tra? | Thích ứng với sự thay đổi của môi trường  Giảm thiểu chi phí  Đối phó với sự phức tạp của tổ chức  Tất cả các đáp án đều đúng | D |
|  | Sắp xếp theo thứ tự trước - sau của 3 giai đoạn trong tiến trình kiểm tra của tổ chức: | Đo lường, So sánh kết quả với tiêu chuẩn, Thực thi các hành động điều chỉnh  Đo lường, Thực thi các hành động điều chỉnh, So sánh kết quả với tiêu chuẩn  Thực thi các hành động điều chỉnh, So sánh kết quả với tiêu chuẩn, Đo lường  So sánh kết quả với tiêu chuẩn, Đo lường, Thực thi các hành động điều chỉnh | A |
|  | Kiểm tra song hành được dùng để kiểm tra: | Yếu tố đầu ra  Quy trình biến đổi của yếu tố  Yếu tố đầu vào  Yếu tố tổng quan | B |
|  | ...... được thực hiện trong khi công việc đang tiến hành, các nhà quản trị có thể khắc phục những vấn đề trước khi chúng trở nên tốn kém. | Kiểm tra song hành  Kiểm tra phản hồi  Kiểm tra phòng ngừa  Kiểm tra thời gian | A |
|  | Chức năng cuối cùng trong hoạt động quản trị? | Tổ chức  Kiểm tra  Hoạch định/ Lập kế hoạch  Lãnh đạo | B |
|  | Kiểm tra là quá trình: | Rà soát việc thực hiện công việc của cấp dưới  Xác lập tiêu chuẩn, đo lường kết quả, phát hiện sai lệch và đưa ra biện pháp điều chỉnh  Phát hiện sai sót của nhân viên và thực hiện biện pháp kỷ luật  Tổ chức định kỳ hàng tháng | B |
|  | "Kiểm tra trước khi công việc xảy ra" là nội dung của kiểm tra: | Kiểm tra song hành  Kiểm tra phản hồi  Kiểm tra phòng ngừa  Kiểm tra thời gian | C |
|  | Để đảm bảo các nhà quản trị có cái nhìn toàn diện về các khía cạnh hoạt động khác nhau của tổ chức từ đó đặt mục tiêu và đo lường hiệu quả, nhà quản trị có thể sử dụng công cụ quản lý gì? | Thẻ điểm cân bằng  Báo cáo kết quả kinh doanh  Báo cáo tài chính  Kiểm soát ngân sách | A |
|  | Kết quả nào sau đây KHÔNG cần phải có sự thực hiện điều chỉnh ở bước tiếp theo của nhà quản trị: | Các bất thường ngoài vùng chấp nhận  Các xu hướng bất thường trong vùng chấp nhận  Các kết quả đo lường nhận được nằm trong khoảng sai lệch chấp nhận được vốn đã được xác định trước đó  Các kết quả đo lường nhận được nằm ngoài khoảng sai lệch xác định trước | C |
|  | Các hoạt động điều chỉnh KHÔNG tuân thủ nguyên tắc sau: | Điều chỉnh đúng mức độ, tránh tùy tiện, tránh gây tác dụng xấu  Tùy điều kiện mà kết hợp các phương pháp điều chỉnh cho hợp lý  Tránh để lỡ thời cơ, tránh bảo thủ  Thay đổi quy trình ngay lập tức | D |
|  | Hạn chế của kiểm tra phản hồi là: | Được áp dụng để làm cơ sở tiến hành khen thưởng và khuyến khích cán bộ, công nhân.  Đòi hỏi những thông tin chính xác, mất nhiều thời gian và rất khó thu thập được  Cần rất ít thông tin để đưa ra quyết định  Những vấn đề đã xảy ra và dẫn đến sự lãng phí hoặc thiệt hại | D |
|  | Câu nào SAI? | Kiểm tra là khâu sau cùng trong chức năng quản trị  Công tác kiểm tra có thể giải quyết được mọi vấn đề.  Nhà quản trị cần phải theo dõi thường xuyên công việc và sử dụng biện pháp kiểm tra hữu hiệu trong công tác kiểm tra.  Nhà quản trị cần khéo léo phát huy tác dụng của kiểm tra, cần có năng lực giải thích các số liệu thống kê và bảng biểu. | B |
|  | Bước đầu tiên của quy trình kiểm tra là: | Thiết lập đo lường  So sánh kết quả thực tế và tiêu chuẩn  Thiết lập tiêu chuẩn  Thực hiện hành động | C |
|  | Nhà quản trị chỉ cần thực hiện kiểm tra khi: | Sau khi hoàn thành kế hoạch  Trong khi thực hiện kế hoạch  Trước khi thực hiện kế hoạch  Không có câu nào hoàn toàn chính xác | C |
|  | Sau khi thu thập thông tin và đo lường thì bước tiếp theo của quy trình kiểm tra là gì? | Thiết lập đo lường  So sánh kết quả thực tế và tiêu chuẩn  Thiết lập tiêu chuẩn  Thực hiện hành động | B |
|  | "Xác định mức độ chênh lệch giữa kết quả thực tế và tiêu chuẩn" là nội dung của giai đoạn: | Đối chiếu/ so sánh  Thực thi hành động điều chỉnh  Phân công công việc  Đo lường kết quả thực tế | A |
|  | Khi kết quả bất thường ngoài vùng chấp nhận, nhà quản trị cần: | Không làm gì  Tổ chức lại bộ máy sản xuất  Hiệu chỉnh những kết quả thực tế  Sa thải nhân viên đã làm sai | C |
|  | Khi vẫn nhận được các kết quả không đạt tiêu chuẩn mặc dù đã thực hiện điều chỉnh trước đó, nhà quản trị cần: | Không làm gì  Dừng cung ứng dịch vụ sai hỏng  Sa thải nhân viên đã làm sai  Xem xét lại những tiêu chuẩn | D |
|  | Yếu tố đầu ra của hệ thống tổ chức cần được: | Kiểm tra song hành  Kiểm tra phản hồi  Kiểm tra phòng ngừa  Kiểm tra thời gian | B |
|  | "Cung cấp cho nhà quản trị đầy đủ thông tin về những nỗ lực trong việc lập kế hoạch của họ đã có hiệu quả như thế nào" là ưu điểm kiểm tra: | Kiểm tra tại chỗ/ song hành  Kiểm tra trước/ phòng ngừa/ tiền kiểm  Kiểm tra sau/ phản hồi/ hậu kiểm  Kiểm tra toàn thời gian | C |
|  | Kiểm tra chất lượng, nguyên liệu trước khi sản xuất thuộc chức năng quản trị nào? | A: Lập kế hoạch  B: Tổ chức  C: Lãnh đạo  D: Kiểm tra | D |
|  | Lợi ích của việc thực hiện chức năng kiểm tra là gì? | A: Giúp nhà quản trị nhận biết mục tiêu đã đạt được chưa.  B: Giúp nhà quản trị thiết lập mục tiêu  C: Giúp nhà quản trị tập trung quyền lực kiểm tra  D: Tất cả các đáp án đều sai | A |
|  | Nhà quản trị có thể đo lường hiệu quả của tổ chức thông qua các chỉ số nào? | A: Năng suất lao động  B: Mức độ hoàn thành mục tiêu tổ chức  C: Xếp hạng so với các tổ chức, doanh nghiệp khác trong lĩnh vực hoạt động  D: Tất cả các đáp án đều đúng | D |
|  | Để kiểm soát hành vi và hiệu quả công việc của nhân viên, nhà quản trị có thể sử dụng công cụ nào sau đây? | A: Phản hồi định kỳ về kết quả công việc của nhân viên  B: Kỷ luật lao động  C: Khen thưởng  D: Tất cả các đáp án đều đúng | D |
|  | McDonald’s gửi các chuyên gia kiểm tra chất lượng đến những quốc gia nơi công ty của họ mới mở chi nhánh để đảm bảo rằng tất cả các nguyên liệu dùng làm thức ăn đều đạt tiêu chuẩn của công ty. Đây là ví dụ của: | Kiểm tra lường trước/đầu vào  Kiểm tra song hành  Kiểm tra phản hồi  Không có phương án nào đúng | A |
|  | Khi một huấn luyện viên bóng đá đang thực hiện hành động thay thế cầu thủ chơi trong một trận đấu là ví dụ của: | Điều chỉnh tiêu chuẩn  Hành động khắc phục ngay  Hành động khắc phục cơ bản  Điều chỉnh sai lệch | B |
|  | Một đốc công trong xưởng đã làm việc riêng trong quá trình giám sát sản xuất dẫn đến sai hỏng lô hàng. Qúa trình… đã bị vi phạm trong trường hợp này. | Kiểm tra tại chỗ/song hành  Kiểm tra trước  Kiểm tra sau  Kiểm tra toàn thời gian | A |
|  | Phát biểu nào sau đây KHÔNG đúng | Mục tiêu đề ra trong hoạch định là tiêu chuẩn kiểm tra  Cần kiểm tra trong quá trình thực hiện  Kiểm tra là chức năng độc lập với các chức năng khác  Kiểm tra là một trong những chức năng quan trọng của quản trị | C |
|  | Nội dung nào không phải là ưu điểm của phương pháp đo lường kết quả dựa vào các văn bản báo cáo? | Có tính toàn diện cao  Có tính chính thống cao  Dễ lưu trữ và tìm lại  Tốn ít thời gian để chuẩn bị | D |
|  | Nhà quản trị kiểm tra hành vi của nhân viên trong quá trình sản xuất. Nhà quản trị đang thực hiện loại kiểm tra nào? | Kiểm tra đầu vào/lường trước  Kiểm tra song hành  Kiểm tra phản hồi  Hậu kiểm | B |
|  | Để đảm bảo tổ chức hoạt động theo kế hoạch và đạt mục tiêu đề ra, nhà quản trị cần phải kiểm tra những lĩnh vực nào dưới đây? | Tài sản cố định  Nguồn lực tài chính  Nguồn lực con người  Tất cả các đáp án đều đúng | D |
|  | Trong tuyển dụng, các công ty thường yêu cầu ứng viên nộp lý lịch tư pháp trước khi mời đi phỏng vấn. Công ty đang thực hiện loại kiểm tra nào? | Kiểm tra đầu vào  Kiểm tra song hành  Kiểm tra phản hồi  Hậu kiểm | A |
|  | Hiếu, giám đốc quản trị rủi ro, yêu cầu làm báo cáo về tỉ lệ sản phẩm sản xuất bị lỗi của lô hàng trước đó. Ông đang thực hiện chức năng kiểm tra: | Kiểm tra song hành  Kiểm tra phản hồi  Kiểm tra phòng ngừa  Kiểm tra thời gian | B |
|  | Khi đo lường trong kiểm tra, nhà quản trị phát hiện sai lệch nằm ngoài vùng chấp nhận, họ sẽ cần làm gì? | Không làm gì  Xem xét lại những tiêu chuẩn  Thực hiện hành động điều chỉnh  Xem xét lại những mục tiêu | B |
|  | Trưởng phòng Marketing yêu cầu nhân viên cấp dưới phối hợp với phòng IT để xây dựng các bảng biểu và sơ đồ thể hiện tình hình thực hiện các KPI của phòng. Phương pháp kiểm tra này có nhược điểm nào sau? | Có ít hoặc không thể hiện được thông tin về các yếu tố gây ảnh hưởng như bối cảnh  Bị ảnh hưởng bởi thành kiến cá nhân  Thông tin chưa được xử lý  Thông tin không chỉ ra mối quan hệ giữa các yếu tố | A |
|  | Kỷ luật tích cực/tiến bộ đối với các vi phạm thường diễn ra như thế nào? | Cảnh báo miệng, cảnh báo bằng văn bản, treo/đình chỉ, miễn nhiệm  Cảnh báo bằng văn bản, cảnh báo miệng, treo/đình chỉ, miễn nhiệm  Cảnh báo miệng, cảnh báo bằng văn bản, miễn nhiệm, treo/đình chỉ  Không có phương án đúng | A |
|  | Mối quan hệ giữa hoạch định/ lập kế hoạch và kiểm tra là: | Kiểm tra giúp điều chỉnh và xử lý kịp thời  Kiểm tra giúp phát hiện những sai lệch giữa thực hiện và kế hoạch  Mục tiêu trong kế hoạch là tiêu chuẩn kiểm soát  Tất cả các quan niệm đều đúng | D |
|  | Tiến trình nghiên cứu quá khứ để ra quyết định trong hiện tại về những công việc phải làm trong tương lai nhằm hoàn thành các mục tiêu đã định là tiến trình | 1. Ra quyết định 2. Hoạch định 3. Quản trị 4. Xác định mục tiêu | C |
|  | Khi nhà quản trị bán hàng xác định các chỉ tiêu doanh số và giao địa bàn hoạt động cho các nhân viên bán hàng thì họ đang tham gia vào | 1. Công tác quản lý 2. Ra quyết định về chiến lược kinh doanh 3. Xác định mục tiêu bán hàng 4. Chức năng hoạch định | C |
|  | Mô hình cơ cấu đơn giản là mô hình phù hợp với tổ chức nào sau đây? | 1. Nhà hàng ăn uống có 150 nhân viên 2. Hiệu thuốc tây với 4 nhân viên 3. Công ty tư vấn Luật có 26 nhân viên 4. Cả ba phương án trên | B |
|  | Công ty Cổ phần vận tải ABC tổ chức công ty theo các bộ phận có: Lái xe, nhân viên phục vụ, nhân viên bán vé, nhân viên vệ sinh xe, nhân viên kiểm tra bất thường. Việc tổ chức doanh nghiệp như vậy theo mô hình nào? | 1. Mô hình cơ cấu chức năng 2. Mô hình dựa trên tính chủ động của nhân viên 3. Mô hình dựa trên tính logic của xe khách vận tải 4. Mô hình cơ cấu phân ngành | A |
|  | Ai là cha đẻ của phương pháp Quản trị Khoa học? | a. Peter Drucker  b. Haroll Koontz  c. Taylor  d. Fayol | C |
|  | Tìm ra cách làm thế nào để tăng năng suất là đặc trưng của trường phái quản trị nào? | a. Quản trị bằng phương pháp khoa học  b. Quản trị bằng phương pháp hành chính  c. Quản trị sản xuất và tác nghiệp  d. Quản trị hành vi | B |
|  | Ai là người đầu tiên đưa ra các chức năng của QT? | 1. Taylor 2. Fayol 3. Koontz 4. Drucker | B |
|  | Trường phái tâm lí xã hội được xây dựng trên cơ sở: | 1. Những nghiên cứu ở nhà máy Halthorne 2. Phân tích quan hệ giữa con người với con người 3. Quan điểm hành vi học 4. Cả 3 | D |
|  | Phương pháp cây gậy và củ cà rốt đúng với tư tưởng quản trị của ai? | a. Fayol b. Mayo c. Maslow d. Mc Gregor | D |
|  | Không quan tâm đến con người là nhược điểm lớn nhát của tư tưởng quản trị nào? | a. Phương pháp quản trị bằng Khoa học  b. Phương pháp quản trị Hành chính  c. Phương pháp quản trị con người  d. Phương pháp quản trị định lượng | A |
|  | Phương pháp quản trị nào phù hợp với những quyết định quản trị sáng tạo? | a. Quản trị hành chính  b. Quản trị Hành vi  c. Quản trị định lượng  d. Quản trị tiến trình | C |
|  | Coi QT là 1 nghề là tư tưởng của ai? | a. Taylor b. Fayol c. Maslow d. Koontz | B |
|  | Quan điểm của Haroll Koontz về quản trị là: | a. Quản trị là quản lý con người  b. Quản trị là sự hợp nhất của các quan điểm trước đó  c. Quản trị là 1 tiến trình  d. Cả 3 | C |
|  | Luôn ghi nhận ý kiến đóng góp của nhân viên, khuyến khích nhân viên báo cáo mọi vấn đề là tư tưởng của lí thuyết quản trị: | a. Quản trị hệ thống  b. Quản trị theo tiến trình  c. Lý thuyết Z  d. Kaizen | C |
|  | Những yêu cầu nào đối với mục tiêu lợi nhuận của doanh nghiệp là không cần thiết? | a. Tỷ suất lợi nhuận cần đạt được so với năm trước  b. Tỷ suất lợi nhuận chung của doanh nghiệp  c. Doanh nghiệp pahỉ nỗ lực cao mới đạt được  d. Trong khoảng thời gian 4 năm | B |
|  | 1 mục tiêu được thiết lập tốt nhất không cần thiết phải có đặc điểm nào sau đây? | a. Thách thức nhưng phải khả thi  b. Phải mang tính dài hạn  c. Chú trọng vào kết quả  d. Phải trình bày bằng văn bản | B |
|  | Sự khác biệt cơ bản giữa thiết lập mục tiêu truyền thống và MBO: | a. Các mục tiêu trong phương pháp truyền thống sẽ định hướng hoạt động quản trị  b. Các mục tiêu trong phương pháp truyền thống làm tiêu chí để đánh giá  c. Phương pháp truyền thống là quá trình đưa mục tiêu từ trên xuống còn MBO đưa mục tiêu từ trên xuống và từ dưới lên  d. Phương pháp MBO có nhiều mục tiêu bao quát các hoạt động khác nhau | C |
|  | Kỹ thuật ra quyết định nào mà các thành viên trong nhóm không ngồi với nhau? | a. làm việc nhóm  b. động não  c. danh nghĩa  d. Delphi | D |
|  | Xác định xem điều kiện ra quyết định thuộc loại chắc chắn, rủi ro hay bất trắc là việc nhà quản trị sẽ nghiên cứu trong bước nào của quá trình ra quyết định | a. Xác định các tiêu chí  b. Phân bổ trọng số  c. Đánh giá các phương án  d. Lựa chọn phương án | C |
|  | Trong chiến lược chi phí thấp, yếu tố nào được ưu tiên nhiều nhất? | a. Đổi mới  b. Chất lượng  c. Khả năng đáp ứng nhu cầu khách hàng  d. Hiệu suất | D |
|  | Chiến lược khác biệt hóa đòi hỏi | a. Sản phẩm được thiết kế để sản xuất hàng loạt  b. Các kỹ năng sản xuất theo quy trình  c. Hợp tác chặt chẽ từ hệ thống phân phối  d. Giám sát lao động chặt chẽ | B |
|  | Việc Google mua lại Youtube thuộc loại chiến lược gì? | a. Đa dạng hóa tập trung  b. Tăng trưởng tập trung  c. Chiến lược tập trung  d. Chiến lược cạnh tranh | A |
|  | Công ty chứng khoán VIS mở thêm chi nhánh tại thành phố HCM được gọi là chiến lược gì? | a. Đa dạng hóa tập trung  b. Tăng trưởng tập trung  c. Đa dạng hóa tổ hợp  d. Hội nhập hàng ngang | B |
|  | Khi áp dụng chiến lược tăng trưởng thì chiến lược nào có độ rủi ro cao nhất? | a. Hội nhập hàng ngang  b. Tăng trưởng tập trung  c. Đa dạng hóa tập trung  d. Đa dạng hóa tổ hợp | D |
|  | Chiến lược chi phí thấp yêu cầu: | a. Có chính sách thu hút lao động tay nghề cao  b. Phối hợp chặt chẽ giữa đa hành vi và marketing  c. Phân định chức năng chặt chẽ  d. Có các phương pháp đo lường khả quan | C |
|  | Việc GM liên kết Toyota lập 1 nhà máy sản xuất ôtô tại Mỹ được gọi là chiến lược gì? | a. Tăng trưởng tập trung  b. Đa dạng hóa tập trung  c. Hội nhập hàng ngang  d. Hội nhập hàng dọc | C |
|  | Khi xác định 1 ngành có mức độ hấp dẫn cao hay thấp, doanh nghiệp sẽ phân tích gì? | a. Điểm mạnh, điểm yếu  b. 5 lực lượng cạnh tranh  c. Phân tích PEST  d. Tất cả các phân tích trên | C |
|  | Pháp luật chống độc quyền sẽ hạn chế chiến lược nào? | a. Hội nhập ngang  b. Hội nhập dọc  c. Đa dạng hóa tập trung  d. Tăng trưởng tập trung | A |
|  | Yếu tố nào giúp doanh nghiệp đạt tỷ suất lợi nhuận bình quân cao, dù lợi nhuận bình quân của ngành cao hay thấp đều đáp ứng: | a. Mức độ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành  b. Cấu trúc ngành  c. Chuối giá trị của doanh nghiệp  d. Đặc tính kỹ thuật của ngành | C |
|  | Nếu doanh nghiệp muốn sử dụng ít cấp quản trị, hình thức phân khâu phù hợp nhất: | a. Theo chức năng  b. Theo sản phẩm đơn vị  c. Theo khu vực  d. Theo ma trận | D |
|  | Doanh nghiệp phân khâu theo hình thức nào thì đến cuối chu kỳ kinh doanh, phần đóng góp về lợi nhuận doanh số của cá bộ phận sẽ rõ ràng | a. Theo chức năng  b. Theo sản phẩm đơn vị  c. Theo khu vực  d. Theo ma trận | B |
|  | Kết quả của ủy quyền là: | a. Cấp dưới nhận thức được mệnh lệnh  b. Cấp dưới chủ động hơn trong công việc  c. Cấp dưới thực hiện công việc như chỉ dẫn  D. Cấp dưới luôn hỏi cấp trên về việc phải làm | B |
|  | Nhược điểm chính của phân cấp theo chức năng: | a. Khó kiểm soát hoạt động kinh doanh  b. Chú trọng lợi nhuận ngắn hạn  c. Khó phát triển các quản trị viên cấp cao  d. Tăng chi phí do nhiều nhân viên chức năng | C |
|  | Công việc nào không thuộc hoạt động của chức năng tổ chức | a. Phân chia công việc thành chức năng cụ thể  b. Nhóm các công việc thành các bộ phận  c. Xây dựng hệ thống lương thưởng phù hợp  d. Tuyển dụng | C |
|  | Yếu tố nào không làm tăng phạm vi kiểm soát | a. Người quản lý có năng lực  b. Nhân viên được đào tạo tốt  c. Nhân viên làm việc độc lập  d. Công việc không được tiêu chuẩn hóa | D |
|  | Khi nhu cầu được thỏa mãn, nó ko còn là động cơ thúc đẩy, là quan điểm của ai | a. Taylor  b. Maslow  c. Herberg  d. Mac Gregor | B |
|  | Theo Herberg, yếu tố dẫn đến sự thỏa mãn của nhân viên không bao gồm | a. Cơ hội phát triển  b. Trách nhiệm  c. Sự tiến bộ  d. Tiền lương | D |
|  | Những công cụ được sử dụng kết hợp để động viên nhân viên bao gồm | a. Chọn người phù hợp với công việc  b. Đảm bảo các mục tiêu có thể đạt được  c. Nới lỏng sự giám sát  d. Sử dụng các mục tiêu thách thức | C |
|  | Theo thuyết lưới quản trị, việc tạo điều kiện để tăng năng suất lao động và tinh thần làm việc của nhân công là biểu hiện của phong cách nào | a. Quản trị tổ đội  b. Quản trị câu lạc bộ  c. Quản trị thỏa hiệp  d. Quản trị công việc | A |
|  | Đóng góp của Maslow đối với quản trị là chỉ ra tầm quan trọng của: | a. Phát hiện nhu cầu  b. Tạo cơ hội cho nhân viên ra quyết định  c. Tạo cơ hội cho nhân viên khẳng định mình  d. Thỏa mãn các nhu cầu để động viên nhân viên | D |
|  | Theo Hersey và Blandchards, nhà lãnh đạo sẽ sử dụng phong cách bán khi nhân viên: | a. Nỗ lực thực hiện công việc ở mức độ cao  b. Có kỹ năng và thiếu động cơ  c. Không có kỹ năng và sẵn sàng thực hiên cv  d. Ko có kỹ năng và ko sẵn sàng thực hiên cv | C |
|  |  |  |  |